

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THỊ CẨM NHUNG

KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số: 8.34.02.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HOÀI

HÀ NỘI – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hoài. Các số liệu và kết quả nêu trong bản luận văn là trung thực và có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

Tác giả luận văn

Vũ Thị Cẩm Nhung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP	6
1.1. Những vấn đề chung về kiểm tra thuế.....	6
1.2. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp	16
Chương 2. THỰC TRẠNG KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH	32
2.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình và tổ chức quản lý thuế ở cục thuế tỉnh Ninh Bình	32
2.2. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình	35
2.3. Đánh giá chung về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình	56
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH.....	62
3.1. Quan điểm hoàn thiện kiểm tra thuế.....	62
3.2. Các giải pháp hoàn thiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình	64
3.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp	75
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CQT	Cơ quan thuế
DN	Doanh nghiệp
ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
HHDV	Hàng hoá dịch vụ
NSNN	Ngân sách nhà nước
NNT	Người nộp thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTHT	Tuyên truyền hỗ trợ
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan cục thuế tỉnh Ninh Bình năm 2017	38
Bảng 2.2: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ thuế tại CQT	44
Bảng 2.3: Kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Ninh Bình.	
Bảng 2.4: Tổng hợp kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT từ 2015-2017.....	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước và đồng thời là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Chính vì vậy mà các nhà kinh tế, các nhà quản lý luôn quan tâm nghiên cứu về chính sách thuế và quản lý thuế của quốc gia nói chung và của từng địa phương nói riêng. Trọng tâm của các nghiên cứu là: làm thế nào để thuế đạt được mục đích tạo nguồn thu vững chắc, đảm bảo cân đối thu chi Ngân sách Nhà nước; đồng thời góp phần phát huy tác dụng điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Nhận thức kiểm tra thuế là một trong những chức năng quan trọng trong công tác quản lý thuế, nhất là từ khi người nộp thuế thực hiện cơ chế "*tự khai, tự nộp*". Ngành thuế rất quan tâm, chú trọng đến công tác kiểm tra thuế. Vì qua công tác kiểm tra thuế sẽ cảnh báo, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những gian lận về thuế. Hơn nữa, thông qua công tác kiểm tra thuế giúp CQT phát hiện những bất hợp lý trong chính sách, pháp luật thuế để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi kịp thời, nhằm phát huy tốt nhất vai trò của thuế trong việc đảm bảo nguồn thu cho NSNN và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Bởi vậy, muốn nâng cao hiệu quả quản lý thuế, một trong những nội dung mà CQT các cấp phải làm là thường xuyên hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế.

Công tác quản lý thuế ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình cũng nằm trong tình hình chung của cả nước. Một mặt, phải tăng cường hoạt động kiểm tra thuế. Mặt khác, phải đổi mới nội dung và phương thức kiểm tra để vừa đảm bảo tăng cường hoạt động kiểm tra của CQT, vừa tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của DN. Điều này, có nghĩa là phải làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra thuế. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: "*Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Ninh Bình*" có ý nghĩa thực tiễn thiết thực.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Công tác quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra thuế ở Việt Nam đã thu hút được sự quan tâm của khá nhiều nhà khoa học, nhà quản lý ở Việt Nam.

Đầu tiên phải kể đến các giáo trình về thuế như: “Giáo trình Nghiệp vụ thuế” của Học viện Tài chính hay “Giáo trình Quản lý thuế” của Học viện Tài chính... Trong 02 cuốn giáo trình đã nêu, đã cung cấp những vấn đề lý luận về thanh tra, kiểm tra thuế và giới thiệu nghiệp vụ cơ bản của công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở Việt Nam. Đây là những tài liệu mang tính học thuật, trang bị lý luận cơ bản để tiếp cận và nghiên cứu chuyên sâu về thanh tra và kiểm tra.

Về thực tiễn, gần đây xuất hiện khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến kiểm tra thuế, cả các đề tài khoa học, luận văn thạc sĩ và bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học. Trong đó, tiêu biểu là các công trình sau:

Về bài báo khoa học

- Đinh Tiến Hải, Chu Duy (2017) “ ***Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội***”, tạp chí tài chính. Bài viết đã đánh giá tổng quát kết quả thu ngân sách từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội 3 năm 2014,2015,2016 số thu có tăng qua 3 năm, qua đây cũng nêu rõ được hiệu quả trong công tác kiểm tra khi siết chặt công tác kiểm tra và nâng cao được tính tuân thủ theo pháp luật đồng thời bài báo cũng nêu ra được một số giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội.

- Lê Minh Nhật (2013) “***Những kiến thức, kỹ năng cần thiết của công chức làm công tác kiểm tra thuế***”, cổng thông tin điện tử Cục Thuế Kon Tum. Bài viết này đã đánh giá tổng quát về nội dung kiểm tra thuế (kiểm tra tại trụ sở CQT và kiểm tra tại trụ sở NNT), qua đó đã đề cập đến nhiệm vụ của công chức làm công tác kiểm tra thuế là rất nặng nề, phức tạp, nhiều cám dỗ; hiệu quả công tác kiểm tra thuế phụ thuộc nhiều vào ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn của công chức. Cuối cùng, tác giả đã đưa ra 06 nhóm kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công chức làm công tác kiểm tra thuế.

- Mai Ka (2013) “***Tập trung kiểm tra chuyên đề về thuế GTGT***” ,Tạp chí Thuế nhà nước số 15 (425). Tác giả phân tích làm rõ các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra theo chuyên đề thuế GTGT như: kiểm tra việc ban hành văn bản hướng dẫn, xử lý nghiệp vụ về thuế GTGT; công tác quản lý thuế GTGT

theo thẩm quyền tại CQT; kiểm tra việc chấp hành các qui định về thuế GTGT tại trụ sở NNT.

Về luận văn thạc sĩ

- Luận văn thạc sĩ kinh tế của Mai Việt Dũng ” (2017) **“Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại chi cục thuế huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang”**. Đề tài này hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đối với NNT tại chi cục thuế huyện Vị Xuyên. Từ nghiên cứu lý luận, đề tài đề cập đánh giá thực trạng của công tác thanh tra kiểm tra thuế tại chi cục thuế huyện Vị Xuyên, chỉ ra những bất cập và nguyên nhân của việc tuân thủ pháp luật về thuế, nhằm đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế ở chi cục thuế huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang.

- Luận văn thạc sĩ kinh tế của Phạm Thanh Bình (2013) **“Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp tại văn phòng cục thuế tỉnh Hưng yên”**. Đề tài này hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đối với NNT tại văn phòng cục thuế tỉnh Hưng Yên. Từ nghiên cứu lý luận, đề tài đề cập đánh giá thực trạng của công tác thanh tra kiểm tra thuế tại văn phòng cục thuế tỉnh Hưng Yên, chỉ ra những bất cập và nguyên nhân của việc tuân thủ pháp luật về thuế, nhằm đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế ở văn phòng cục thuế tỉnh Hưng Yên.

- Luận văn thạc sĩ kinh tế của Lê Thế Nghiệp (2015) **“Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại cục thuế tỉnh Kiên Giang”**. Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế tại cục thuế tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn từ 2012 đến 2014. và giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra trong thời gian tới.

Qua nội dung tóm tắt các đề tài luận văn, bài viết, bài báo khoa học đã nghiên cứu cho thấy các vấn đề lý luận về kiểm tra thuế đã được nghiên cứu khá nhiều và ngày càng được nghiên cứu chuyên sâu hơn. Tuy vậy, còn một số vấn đề khá quan trọng liên quan đến công tác kiểm tra thuế vẫn chưa có câu trả lời đầy đủ, đó là các vấn đề: *Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra thuế*

(chỉ tiêu định lượng, chỉ tiêu định tính), các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm tra thuế...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát của đề tài là tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình.

Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp.

- Đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình và chỉ ra được những thành công và những hạn chế cũng như những nguyên nhân chủ quan, khách quan.

- Đề xuất phương hướng, giải pháp thích hợp để hoàn thiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý thuế của Cục thuế tỉnh Ninh Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp. Luận văn không nghiên cứu về hoạt động kiểm tra nội bộ ngành Thuế.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn từ 2015 đến 2017. giải pháp đề xuất đến 2020.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, sử dụng các phương pháp nghiên cứu là: phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp điều tra, thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu thống kê, phương pháp phân tích định lượng và phương pháp hạch toán,..., Sử dụng các phương pháp trên để phân tích số liệu, thông kê để đánh giá kết quả và hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại cục thuế tỉnh Ninh Bình.

Luận văn cũng kế thừa và sử dụng có chọn lọc một số đề xuất và các số liệu thống kê trong một số công trình nghiên cứu có liên quan của các tác giả đi trước

Dựa trên các tài liệu, báo cáo tổng kết hàng năm về công tác kiểm tra, thanh tra thuế của Cục thuế Hà Tĩnh và của Tổng cục thuế qua các năm từ năm 2015

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình. Đồng thời luận văn đánh giá thực trạng của kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong điều kiện hiện nay.

Cơ sở lý luận về công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu tiếp theo về các chủ đề có liên quan. Các giải pháp đề xuất có căn cứ và tính khả thi cũng là cơ sở và thông tin hữu ích với các nhà quản lý và hoạch định chính sách thuế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phần chính của luận văn gồm ba chương.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Chương 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kiểm tra thuế

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm

Trong hoạt động quản lý, không chỉ riêng ngành Thuế mà tất cả các ngành khác thì kiểm tra là một chức năng không thể thiếu và nó có vai trò rất quan trọng. Cho dù chúng ta có quản lý chặt chẽ tới mức nào đi chăng nữa mà không có kiểm tra thì đó không được coi là phương pháp quản lý phù hợp và đúng đắn

Tuy nhiên, về khái niệm kiểm tra có thể được hiểu trên hai phạm vi:

Thứ nhất: Theo phạm vi rộng, để chỉ hoạt động của các tổ chức xã hội, các đoàn thể và của công dân kiểm tra hoạt động bộ máy của nhà nước. Theo nghĩa này, tính quyền lực nhà nước trong kiểm tra bị hạn chế vì các chủ thể thực hiện kiểm tra không có quyền áp dụng trực tiếp những biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Thứ hai: Theo phạm vi hẹp, kiểm tra là hoạt động của chủ thể nhằm tiến hành xem xét, xác minh một việc gì đó của đối tượng bị quản lý xem có phù hợp hay không với trạng thái định trước (kiểm tra mang tính nội bộ của người đứng đầu cơ quan, kiểm tra phương tiện giao thông...). Theo nghĩa này, chủ thể kiểm tra có thể áp dụng một chế tài nhất định như áp dụng các hình thức kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc buộc phải thực hiện một số biện pháp ngăn chặn hành chính.

Kiểm tra là chức năng chung của quản lý nhà nước, là hoạt động mang tính chức năng của quản lý nhà nước, là hoạt động mang tính phản hồi (rà soát, nhiều khi là phản ứng lại) đối với chu trình quản lý nhằm phân tích, đánh giá, theo dõi những mục tiêu, nhiệm vụ quản lý đã đề ra.

Theo Giáo trình Quản lý thuế (2016) của Học viện Tài chính thì Kiểm tra thuế là hoạt động của cơ quan thuế trong việc xem xét tình hình thực tế của đối tượng kiểm tra, từ đó đối chiếu với chức năng nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra đối với

đối tượng kiểm tra để có những nhận xét, đánh giá về tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của đối tượng kiểm tra [6, tr86]

Với các cách hiểu như trên, kiểm tra thuế có những đặc điểm sau:

Thứ nhất: Kiểm tra thuế có phạm vi rộng. Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân trong ngành thuế, là NNT thuế bao gồm mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật thuế. [6, tr86]

Thứ hai: Kiểm tra thuế là công tác rất khó khăn, phức tạp vì nó động chạm trực tiếp tới lợi ích kinh tế của NNT. Để che dấu các hành vi trốn thuế nhằm bảo vệ lợi ích vật chất của mình, NNT thường tìm mọi biện pháp cản trở, gây khó khăn cho công tác kiểm tra của CQT [6, tr86]

Thứ ba: Kiểm tra thuế đòi hỏi rất cao về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của người cán bộ làm việc trong lĩnh vực này. Để xác định đúng đắn nghĩa vụ thuế của đối tượng được kiểm tra, đòi hỏi người cán bộ thuế không chỉ nắm chắc các luật thuế mà còn phải nắm bắt được bản chất các hoạt động kinh tế của đối tượng kiểm tra, có nghĩa là người cán bộ kiểm tra thuế phải có sự am hiểu sâu rộng về kinh tế, giỏi kế toán, sâu sắc trong tư duy logic,... Đồng thời, người cán bộ kiểm tra thuế phải có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh vững vàng, vì thường xuyên phải làm việc trong môi trường có sự cám dỗ về vật chất. [6, tr86]

1.1.2. Vai trò của kiểm tra thuế

Trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, kiểm tra thuế có vai trò quan trọng đối với công tác quản lý thuế. Đặc biệt, trong cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế hiện nay, kiểm tra thuế lại càng trở nên quan trọng trong hệ thống quản lý thuế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, qua kiểm tra thuế phát hiện những nhầm lẫn, sai sót của NNT và của công chức thuế để nhắc nhở, chấn chỉnh; đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế.

Thứ hai, thông qua kiểm tra thuế để phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thuế, trốn thuế, lậu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời số

thuế theo quy định pháp luật vào NSNN. Điều này, cũng góp phần đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế giữa những NNT khác nhau.

Thứ ba, thông qua kiểm tra thuế cảnh báo, ngăn ngừa các hành vi trốn thuế, lậu thuế. Với việc làm tốt công tác kiểm tra thuế, CQT đánh tín hiệu cho NNT biết nếu vi phạm pháp luật sẽ bị phát hiện và bị xử phạt. Bởi vậy, NNT phải cân nhắc giữa lợi ích có thể đạt được của việc trốn thuế (nếu không bị phát hiện) với khả năng bị phát hiện qua kiểm tra và bị xử phạt.

Thứ tư, kiểm tra thuế góp phần hoàn thiện pháp luật thuế. Qua kiểm tra sẽ phát hiện ra trong pháp luật thuế hiện nay có những điểm nào còn bất cập, gây khó khăn cho NNT khi thực hiện nghĩa vụ thuế cũng như gây khó khăn cho cán bộ thuế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Từ đó, cán bộ kiểm tra thuế có thể đưa ra những kiến nghị với các cấp có thẩm quyền nhằm hoàn thiện pháp luật thuế cho phù hợp với thực tế.

Thứ năm, kiểm tra thuế góp phần tăng cường tính tuân thủ pháp luật. Khi phát hiện ra những sai sót hay vi phạm của NNT, cán bộ kiểm tra phải xử lý bằng các hình thức xử phạt nghiêm minh. Để NNT thấy rằng bất cứ ai cũng phải tuân thủ pháp luật. Những hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử phạt thích đáng. Xử lý đúng người, đúng tội sẽ nâng cao được hiệu lực của luật thuế.

1.1.3. Nguyên tắc kiểm tra thuế

Mục đích của việc kiểm tra thuế là phát huy nhân tố tích cực, ngăn ngừa, xử lý các sai phạm gây tổn thất tới lợi ích của nhà nước của nhân dân, của các doanh nghiệp, góp phần hoàn thiện chính sách và pháp luật về thuế. Để đạt được mục đích này thì kiểm tra thuế phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1.1.3.1. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật

Pháp luật thể hiện ý chí của nhà nước, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Kiểm tra thuế là kiểm tra việc thực hiện pháp luật nên phải tuân thủ pháp luật. Đây là nguyên tắc cần thiết để đề cao trách nhiệm của chủ thể kiểm tra, nâng cao hiệu lực của công tác kiểm tra thuế, ngăn chặn tình trạng làm trái pháp luật, vô hiệu hóa hoạt động kiểm tra thuế.

Thực hiện đúng nguyên tắc này có nghĩa là các cơ quan và cán bộ kiểm tra thuế phải thực hiện đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn mà pháp luật quy định xem xét sự đúng sai của đối tượng kiểm tra phải căn cứ vào quy định của pháp luật không tuân theo ý kiến của bất cứ một cơ quan hoặc một cá nhân nào. Kết luận của kiểm tra phải đúng theo pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1.1.3.2. Nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan

Đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan là vấn đề có tính nguyên tắc cao trong công tác kiểm tra. Có trung thực, chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra thì mới cho phép đánh giá đúng thực trạng của đối tượng kiểm tra, xử lý đúng người, đúng việc, đúng pháp luật.

Nguyên tắc khách quan và chính xác đòi hỏi trong hoạt động kiểm tra phải tôn trọng sự thật, đánh giá sự vật, hiện tượng như nó vốn có, không suy diễn hay quy chụp một cách chủ quan, phải tiến hành công việc một cách thận trọng.

Nguyên tắc trung thực đòi hỏi trong hoạt động kiểm tra phải phản ánh và đánh giá đúng bản chất của sự vật, hiện tượng; vô tư, không thiên lệch; không vì quyền lợi cá nhân; phải tỷ mỉ, cẩn thận và phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, hiểu biết sâu rộng và sâu sát thực tiễn.

1.1.3.3. Nguyên tắc công khai, dân chủ

Tính dân chủ trong kiểm tra thuế tức là phải thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” để thu hút sự tham gia, đồng tình ủng hộ của nhân dân.

Việc công khai gồm nhiều vấn đề cụ thể như: tiếp xúc công khai với các đối tượng liên quan, công bố công khai kết luận kiểm tra. Tuy nhiên tùy từng trường hợp cụ thể mà xác định phạm vi và hình thức công khai cho phù hợp với yêu cầu đảm bảo giữ bí mật quốc gia, lợi ích của Nhà Nước, đảm bảo hiệu quả kiểm tra cao nhất.

1.1.3.4. Nguyên tắc bảo vệ bí mật

Cần quán triệt nguyên tắc này trong kiểm tra thuế là vì trong quá trình kiểm tra cán bộ làm công tác này tiếp cận với nhiều vấn đề, nhiều tài liệu liên quan đến bí mật, bí quyết kinh doanh của doanh nghiệp, bí mật của quốc gia. Nếu để lộ cho những đối tượng không được phép biết sẽ làm thiệt hại lợi ích của quốc gia và các doanh nghiệp. Do vậy, chỉ được phép báo cáo cho những người có thẩm quyền được biết.

1.1.3.5. Nguyên tắc hiệu quả

Thực hiện nguyên tắc này mới đảm bảo kiểm tra thuế đạt được mục đích của nó. Nguyên tắc này đòi hỏi kiểm tra thuế phải đảm bảo tính hiệu quả, nghĩa là nó phải có tác dụng đề phòng, ngăn ngừa những thiếu sót, vi phạm; phải đảm bảo giúp các đối tượng kiểm tra thực hiện đúng chính sách thuế.

1.1.4. Các phương pháp kiểm tra thuế

1.1.4.1. Phương pháp vận dụng kỹ thuật quản lý rủi ro

Bất cứ hoạt động nào cũng chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm ẩn. Rủi ro có thể đến từ mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chẳng hạn như, sự bất ổn của thị trường tài chính, tai nạn giao thông, thiên tai... Theo đó rủi ro là những tổn thất có thể xảy ra trong tương lai, nó có thể phát sinh từ một số hoạt động ở hiện tại và thường được chứa đựng bên trong hoặc đi cùng với một sự kiện không mong muốn xảy ra.

Theo Hướng dẫn số 73 của Tổ chức chuẩn mực quốc tế (ISO), PGS.TS Lê Xuân Trường(2016) Giáo trình Quản lý thuế thì rủi ro là “*The effect of uncertainty on objectives, whether positive or negative*”. Nghĩa là, “*Tác động của một sự kiện không chắc chắn có thể xảy ra mà hệ quả của nó có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực*”.

Xét riêng trong lĩnh vực quản lý thuế, rủi ro được hiểu là những tổn thất có thể xảy ra phát sinh từ các hoạt động không tuân thủ pháp luật thuế trong một môi trường, hoàn cảnh cụ thể.

Quản lý rủi ro là một quá trình nhận diện, đánh giá, phân tích để có phương án giải quyết một cách có hệ thống nhằm tối đa hóa lợi ích khi sự kiện xảy ra có hiệu quả tích cực và tối thiểu hóa bất lợi khi sự kiện xảy ra có hiệu quả tiêu cực. Quản lý rủi ro có thể được hiểu là quá trình lựa chọn và thực hiện các giải pháp trong bối cảnh nguồn lực có hạn để giảm thiểu nguy cơ xấu đe dọa đến sự thành công của một tổ chức. Từ cách hiểu trên về rủi ro và quản lý rủi ro cho thấy bản chất của việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế là việc phân loại, đánh giá NNT dựa trên hệ thống những tiêu thức rủi ro về thuế nhằm xác định những NNT có mức độ tuân thủ thấp và khả năng gian lận cao về thuế để tập trung nguồn lực kiểm tra theo nguyên tắc ưu tiên nguồn lực để kiểm tra những NNT có thể mang lại tổn thất lớn nhất và những sai phạm có nhiều khả năng xảy ra nhất.

Có nhiều cách để phân loại rủi ro thông thường người ta phân loại rủi ro căn cứ vào nguyên nhân của rủi ro, để quản lý rủi ro, người ta chia rủi ro thành các loại sau đây:

- *Rủi ro tiềm tàng (IR)*: là rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong một môi trường nhất định. Trong kiểm tra thuế, rủi ro tiềm tàng là rủi ro có thể xảy ra sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính và các hồ sơ khai thuế; nó tồn tại một cách độc lập với tác động của hệ thống kiểm soát nội bộ và việc có thực hiện kiểm tra thuế hay không.

- *Rủi ro kiểm soát (CR)*: là rủi ro về khả năng kiểm soát tại chỗ không chặt chẽ nên không ngăn ngừa được những sai sót trọng yếu có thể xảy ra.

Rủi ro kiểm soát cũng nằm ngoài tầm kiểm soát của cán bộ kiểm tra thuế, nó luôn tồn tại dù có tiến hành kiểm tra hay không. Cán bộ kiểm tra không thể kiểm soát hoặc làm thay đổi được rủi ro kiểm soát trong một thời gian ngắn nhưng có thể đánh giá được mức độ tác động của nó.

- *Rủi ro phát hiện (DR)*: là rủi ro mà kiểm tra thuế không phát hiện được qua các báo cáo tài chính gian lận. Trong khi rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát bắt nguồn và gắn với hoạt động kinh doanh của NNT và cách thức mà NNT kiểm soát môi trường hoạt động của mình thì rủi ro phát hiện lại xuất phát từ

chất lượng của hoạt động kiểm tra, tức là xuất phát từ các quy định của pháp luật, chất lượng của quy trình và trình độ cán bộ kiểm tra.

- *Rủi ro kiểm tra (AR)*: là rủi ro mà các báo cáo tài chính gian lận được chấp nhận như những báo cáo tài chính trung thực.

Rủi ro kiểm tra tổng thể chịu sự tác động của 3 cấu phần là rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện. Mọi quan hệ tổng quát giữa chúng thể hiện qua công thức sau:

$$\mathbf{AR = IR \times CR \times DR}$$

Từ công thức trên cho thấy, vì cán bộ kiểm tra không thể kiểm soát được rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát nên trong trường hợp cả rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát đều cao thì cách duy nhất để giảm rủi ro kiểm tra là làm giảm rủi ro phát hiện. Muốn vậy, phải điều chỉnh nội dung và phạm vi của các thủ tục kiểm tra. Về cơ bản, kiểm tra càng chi tiết thì rủi ro phát hiện càng thấp và ngược lại.

Quản lý rủi ro là một quá trình nhận diện, đánh giá, phân tích để có phương án giải quyết một cách có hệ thống nhằm tối đa hóa khả năng xảy ra khi có hiệu quả tích cực và tối thiểu hóa khả năng xảy ra khi có hiệu quả tiêu cực. Quản lý rủi ro có thể được hiểu là quá trình lựa chọn và thực hiện các giải pháp trong bối cảnh nguồn lực có hạn để giảm thiểu nguy cơ xấu đe dọa đến sự thành công của tổ chức. Như vậy, điều quan trọng trong quản lý rủi ro là dành ưu tiên mọi nguồn lực vào quản lý những rủi ro có thể xảy ra tổn thất lớn nhất và những rủi ro có nhiều khả năng xảy ra nhất, tiếp đến là quản lý những rủi ro có tổn thất thấp hơn và ít có khả năng xảy ra hơn.

Việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thực chất là việc phân loại, đánh giá NNT dựa trên hệ thống những tiêu thức rủi ro về thuế nhằm xác định những NNT có mức độ tuân thủ thấp và khả năng gian lận cao về thuế để tập chung nguồn lực kiểm tra theo nguyên tắc ưu tiên nguồn lực kiểm tra những NNT có thể mang lại tổn thất lớn nhất và những sai phạm có nhiều khả năng xảy ra nhất.

1.1.4.2. Phương pháp đối chiếu, so sánh

Đây là phương pháp nghiệp vụ được sử dụng chủ yếu trong suốt quá trình tiến hành một cuộc kiểm tra.

Khi thực hiện phương pháp này, cán bộ kiểm tra thuê tiến hành so sánh, đối chiếu các nội dung cần kiểm tra để xác định tính hợp lý, khách quan, trung thực của nội dung kiểm tra. Biểu hiện cụ thể là đối chiếu tài liệu, số liệu của đơn vị được kiểm tra với các đơn vị khác; đối chiếu giữa báo cáo kế toán với sổ kế toán, giữa sổ tổng hợp với sổ chi tiết, giữa sổ sách kế toán với chứng từ kế toán; đối chiếu số liệu báo cáo thống kê với thực tế về hiện vật (vật tư, hàng hóa, hiện vật...); đối chiếu giữa nội dung tài liệu, báo cáo quyết toán, sổ sách, chứng từ với các chuẩn mực; đối chiếu giữa nội dung thu, chi thực tế với chính sách, chế độ quy định...

1.1.4.3. Phương pháp kiểm tra đi từ tổng hợp đến chi tiết

Phương pháp này yêu cầu trước hết, kiểm tra số liệu tổng hợp sau đó mới kiểm tra số chi tiết.

Việc kiểm tra số liệu tổng hợp được tiến hành với các số liệu đã được tổng hợp theo nội dung kinh tế, phản ánh trên các báo cáo tổng hợp như: bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, báo lưu chuyển tiền tệ... Từ việc phân tích đối chiếu trên tài liệu tổng hợp rút ra nhận xét tổng quát và những vấn đề cần đi sâu nghiên cứu.

Kiểm tra số liệu chi tiết của từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thể hiện trên chứng từ gốc hoặc bảng kê chi tiết.

Ý nghĩa của phương pháp này là giúp cho cán bộ kiểm tra nắm được những vấn đề chính, những bất thường. Từ đó, đi vào kiểm tra những vấn đề trọng tâm, mấu chốt; tránh sa vào những việc vụn vặt, không tìm được hướng đi rõ rệt.

1.1.4.4. Các phương pháp sử dụng để kiểm tra chứng từ gốc

Kiểm tra chứng từ gốc có ý nghĩa quan trọng vì chúng là cơ sở pháp lý ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành, là cơ sở của mọi số liệu kế toán. Có 3 phương pháp cụ thể để kiểm tra chứng từ gốc:

Thứ nhất, kiểm tra chứng từ theo trình tự thời gian. Đây là phương pháp mất nhiều thời gian và hiệu quả thấp nên ít được sử dụng.

Thứ hai, kiểm tra theo loại nghiệp vụ: phương pháp này áp dụng khi cần kiểm tra để rút ra kết luận đầy đủ về một loại nghiệp vụ nào đó theo yêu cầu kiểm tra. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong kiểm tra thuế, tiết kiệm được thời gian, hiệu quả công tác cao.

Thứ ba, kiểm tra điển hình. Trong phương pháp này ta tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên một số chứng từ của một loại nghiệp vụ nào đó để kiểm tra, xem xét và rút ra kết luận chung. Phương pháp này tiết kiệm được thời gian nhưng cho kết quả có độ chính xác không cao.

1.1.4.5. Các phương pháp kiểm tra bổ trợ

Ngoài những phương pháp nghiệp vụ như trên ta còn áp dụng một số phương pháp khác khi tiến hành công tác kiểm tra về thuế.

-Phương pháp quan sát : quan sát trực tiếp những công việc có liên quan đến nội dung thanh tra tại hiện trường. Khi thực hiện phương pháp này phải kín đáo và không gây trở ngại cho công việc

-Phương pháp thẩm tra và xác nhận từng phần: mục đích của phương pháp này nhằm đảm bảo kết luận kiểm tra về từng nội dung được chuẩn xác, trung thực, khách quan. Các phương pháp toán học: là các phương pháp số học, toán kinh tế, ... giúp cho việc tính toán, đối chiếu và tổng hợp số liệu.

1.1.5. Các hình thức kiểm tra thuế

1.1.5.1. Phân loại theo thời gian

Với tiêu thức phân loại này, kiểm tra thuế được chia thành hai loại:

Thứ nhất, kiểm tra thường xuyên: chủ yếu sẽ là việc tự kiểm tra trong các đơn vị của ngành Thuế.

Thứ hai, kiểm tra bất thường: Hình thức này được tiến hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan có chức năng kiểm tra hoặc do lãnh đạo đơn vị đặt ra.

Muốn thực hiện tốt các luật thuế, đòi hỏi phải áp dụng cả hai hình thức kiểm tra trên, vì chúng có nội dung và tác dụng bổ sung cho nhau. Trong đó, cần chú trọng công tác kiểm tra thường xuyên.

1.1.5.2. Phân loại theo phạm vi

Phạm vi kiểm tra được xác định dựa trên yêu cầu đặt ra của từng đợt kiểm tra. Theo cách phân loại này có hai loại kiểm tra, đó là:

Thứ nhất, kiểm tra từng phần: thường áp dụng đối với một sắc thuế nhất định hoặc một phần của qui trình thu nộp.

Thứ hai, kiểm tra toàn phần: Cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra toàn diện các mặt công tác của một CQT, một cá nhân hoặc toàn bộ quá trình kê khai nộp thuế với tất cả các sắc thuế có liên quan của một NNT.

1.1.5.3. Phân loại theo địa điểm tiến hành kiểm tra

Thứ nhất, kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế

Cơ quan thuế không đến làm việc tại cơ sở kinh doanh mà tiến hành kiểm tra các hồ sơ liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của cơ sở kinh doanh tại CQT - là các báo cáo tài chính, quyết toán thuế mà cơ sở kinh doanh có nghĩa vụ nộp cho CQT và các hồ sơ, tài liệu khác về cơ sở kinh doanh mà CQT thu thập và lưu giữ được.

Thứ hai, kiểm tra tại cơ sở kinh doanh

Đây là hoạt động kiểm tra được tiến hành tại trụ sở của NNT. Trong hoạt động này, cán bộ kiểm tra thực hiện việc kiểm tra các nội dung kiểm tra theo quy định của pháp luật trực tiếp tại trụ sở của NNT. Cán bộ kiểm tra có thể tiếp cận các tài liệu cụ thể và thực tiễn kinh doanh của cơ sở kinh doanh như: các sổ sách, chứng từ kế toán; thực tế tồn quỹ tiền mặt; thành phẩm tồn kho thực tế...

Kiểm tra tại bàn và kiểm tra tại cơ sở kinh doanh của NNT có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu kiểm tra tại bàn là kiểm tra bước 1 thì kiểm tra tại cơ sở kinh doanh của NNT là kiểm tra bước 2. Để có thể kiểm tra tại cơ sở kinh doanh của NNT thì phải thực hiện kiểm tra tại bàn trước. Trong kiểm tra tại bàn, nếu NNT

không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu, không khai bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cán bộ kiểm tra; hoặc có giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế nhưng không chứng minh được số thuế là khai đúng; hoặc CQT không có đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp thì CQT sẽ ra quyết định kiểm tra tại cơ sở NNT. Chính vì vậy, kết quả công tác kiểm tra tại bàn có ý nghĩa rất lớn đối với việc lập kế hoạch kiểm tra tại cơ sở kinh doanh của NNT.

1.2. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp

1.2.1. Nội dung kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp

1.2.1.1. Nội dung kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế

a) Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ khai thuế

Kiểm tra số lượng các hồ sơ, mẫu biểu theo quy định hiện hành.

Thứ nhất, kiểm tra các hồ sơ khai thuế GTGT đối với NNT theo phương pháp khấu trừ, bao gồm tờ khai thuế GTGT và các bảng kê kèm theo.

Thứ hai, hồ sơ khai thuế GTGT đối với NNT theo phương pháp trực tiếp, bao gồm tờ khai và các phụ lục có liên quan.

Thứ ba, hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chuyển đổi phương pháp tính thuế.

b) Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ khai thuế

Khi tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ khai thuế, cán bộ thuế phải xem xét hồ sơ có đảm bảo các yêu cầu sau đây hay không.

- Hồ sơ khai thuế phải đảm bảo đúng mẫu quy định;
- Phải được ghi đầy đủ các chỉ tiêu;
- Có chữ ký của người có thẩm quyền;
- Có đóng dấu của cơ sở kinh doanh.

Trường hợp phát hiện hồ sơ thuế không đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì CQT yêu cầu NNT khắc phục sai sót và nộp bản thay thế. Thời điểm CQT nhận được bản thay thế được coi là thời điểm nộp hồ sơ thuế.

c) Kiểm tra căn cứ tính thuế trong hồ sơ thuế

➤ Đối với thuế GTGT

Nội dung trọng tâm và phương pháp kiểm tra các căn cứ tính thuế GTGT gồm: Số lượng hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ; giá tính thuế; thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trên tờ khai, các bảng kê...

➤ Đối với thuế TTĐB

Các nội dung trọng tâm và phương pháp kiểm tra căn cứ tính thuế TTĐB gồm: Sản lượng tiêu thụ; Doanh thu bán chưa có thuế TTĐB (không có thuế GTGT); thuế TTĐB được khấu trừ; kiểm tra mức thuế suất thuế TTĐB ghi trên tờ khai thuế bằng cách đối chiếu với mức thuế suất theo chế độ qui định đối chiếu với tờ khai thuế của các tháng trước...

➤ Đối với thuế tài nguyên

Cần kiểm tra giá tính thuế đơn vị tài nguyên; mức thuế suất hoặc mức thuế tài nguyên ấn định trên một đơn vị tài nguyên so với chế độ quy định; kiểm tra căn cứ phản ánh số thuế tài nguyên dự kiến được miễn, giảm trong kỳ.

➤ Kiểm tra tờ khai nộp phí xăng dầu và tờ khai phí bảo vệ môi trường

Khi kiểm tra 02 loại tờ khai này chủ yếu là so sánh sản lượng xăng dầu xuất bán; số lượng khoáng sản khai thác so với các tờ khai thuế tháng trước để phát hiện mức chênh lệch. Nếu số lượng chênh lệch lớn yêu cầu NNT phải giải trình.

➤ Kiểm tra hồ sơ quyết toán thuế TNDN

Nội dung trọng tâm và phương pháp khi kiểm tra hồ sơ quyết toán thuế TNDN bao gồm:

Thứ nhất, kiểm tra tờ khai quyết toán thuế TNDN cần đối chiếu các chỉ tiêu trong tờ khai với các phụ lục kèm theo.

Thứ hai, kiểm tra phụ lục “kết quả hoạt động SXKD” cần đối chiếu với các chỉ tiêu “Doanh thu” và “Chi phí” với số cộng dồn các chỉ tiêu này trong “Tờ khai thuế TNDN tạm tính trong năm”.

Thứ ba, với phụ lục “Chuyển lỗ” cần kiểm tra hiệu số của “Thu nhập chịu thuế trừ đi phần Thu nhập được miễn thuế và không tính phần chuyển lỗ của các năm trước chuyển sang”

Thứ tư, kiểm tra phụ lục “thuế TNDN đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản” cần đối chiếu với số liệu tổng hợp các “tờ khai thu thuế TNDN (mẫu số 02/TNDN)” phát sinh trong năm.

Thứ năm, kiểm tra phụ lục “thuế TNDN được ưu đãi” xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế. Khi kiểm tra cần đối chiếu các điều kiện, thời hạn để được ưu đãi miễn giảm thuế tương ứng với các điều kiện đáp ứng được theo chế độ quy định. Xác định số thuế TNDN được miễn, giảm.

➤ Kiểm tra tờ khai phí môn bài

Đối với tờ khai phí môn bài chủ yếu là kiểm tra chỉ tiêu vốn đăng ký. Đối với chỉ tiêu này khi kiểm tra cần so với vốn đăng ký được ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh. Trên cơ sở vốn đăng ký xác định bậc môn bài và số phí phải nộp.

➤ Kiểm tra hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh

Các loại hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh bao gồm: khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam; hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh; hồ sơ khai quyết toán thuế khấu trừ của nhà thầu nước ngoài khi kết thúc hợp đồng; khi thuế khấu trừ và nộp thay cho hãng vận tải nước ngoài.

1.2.1.2. Nội dung và quy trình kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại trụ sở người nộp thuế

a. Nội dung kiểm tra thuế

➤ Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định về đăng ký thuế

Nội dung kiểm tra đăng ký là xem xét trên từng địa bàn, trong từng loại ngành nghề có bao nhiêu doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động SXKD; số lượng đơn vị đã đăng ký và chưa đăng ký thuế.

Đối với mỗi cơ sở kinh doanh, khi kiểm tra, cần đi sâu xem xét tính pháp lý của đăng ký thuế; kiểm tra tính trung thực của các tài liệu, số liệu kê khai trong đăng

ký kinh doanh và đăng ký thuế về vốn, địa điểm, ngành nghề kinh doanh, thời gian thực tế kinh doanh, hình thức kế toán áp dụng, tài khoản giao dịch... nhằm phát hiện và xử lý những gian lận trong kê khai đăng ký thuế.

➤ ***Kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, sổ sách, chứng từ, hoá đơn***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, cơ quan đoàn thể làm kinh tế đều phải chấp hành chế độ kế toán, thống kê.

Việc thực hiện chế độ kế toán, sổ sách, chứng từ, hoá đơn có liên quan mật thiết đến việc tính thuế, nộp thuế và công tác quản lý của Nhà nước. Nội dung kiểm tra trong lĩnh vực này bao gồm những vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Luật Kế toán của các cơ sở kinh doanh: kiểm tra việc mở sổ sách kế toán; việc quản lý và sử dụng các loại chứng từ, hoá đơn theo chế độ quy định; hình thức hạch toán; chế độ ghi chép cập nhật sổ sách...

Thứ hai, kiểm tra việc lập và sử dụng các loại chứng từ, hoá đơn có liên quan đến việc tính thuế. Nội dung của kiểm tra chứng từ, hoá đơn là xác định tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của từng loại chứng từ, hóa đơn có liên quan như: hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho, chứng từ thu chi,...

Qua kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, sổ sách, chứng từ, hoá đơn bảo đảm chính xác các căn cứ tính thuế, ngăn chặn kịp thời việc hạch toán sai để trốn lậu thuế. Do vậy, nội dung kiểm tra này cần được tiến hành thường xuyên.

➤ ***Kiểm tra việc kê khai, tính thuế và nộp thuế***

Việc kê khai, tính thuế, nộp thuế là nghĩa vụ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với Nhà nước. Nội dung công tác kiểm tra việc kê khai, tính thuế, nộp thuế bao gồm:

Thứ nhất, kiểm tra việc khai thuế: đó là kiểm tra việc kê khai của NNT có khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các loại chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế hay không? kiểm tra hồ sơ khai thuế tháng, quý năm đối với các loại thuế như: GTGT, TTĐB, TNCN, TNDN....

Thứ hai, kiểm tra việc tính thuế: kiểm tra căn cứ tính thuế nhằm mục đích xác định đúng số thuế phải nộp, số thuế đã nộp, số thuế được miễn, giảm, số thuế được hoàn trong kỳ của cơ sở kinh doanh. Việc kiểm tra căn cứ tính thuế được thực hiện trên cơ sở kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ hoá đơn và các tài liệu có liên quan

Thứ ba, kiểm tra phụ lục “thuế TNDN được ưu đãi” xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế. Khi kiểm tra cần đối chiếu các điều kiện, thời hạn để được ưu đãi miễn giảm thuế tương ứng với các điều kiện đáp ứng được theo chế độ quy định.

Thứ tư, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của cơ sở kinh doanh: yêu cầu của nội dung này là xác định xem cơ sở kinh doanh có thực hiện nghiêm túc quy định về thời hạn nộp thuế của các luật thuế không, có dây dưa nộp chậm tiền thuế để chiếm dụng ngân sách Nhà nước làm vốn kinh doanh không, có nợ đọng thuế không.

b. Quy trình kiểm tra thuế tại trụ sở NNT hiện hành ở Việt Nam

Quy trình kiểm tra tại trụ sở của NNT gồm 4 bước được thể hiện qua bảng mô tả tổng quát sau:

Theo quyết định 746/QĐ – TCT ngày 20/04/2015 về ban hành quy trình kiểm tra thuế :

Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn thảo và ban hành quyết định kiểm tra - Thu thập thêm thông tin về đối tượng kiểm tra - Chuẩn bị nhân sự và các tài liệu cần thiết cho kiểm tra
Bước 2: Tiến hành kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo quyết định kiểm tra - Tiến hành kiểm tra thực tế - Đề nghị và công bố quyết định gia hạn kiểm tra (nếu cần thiết)
Bước 3: Tổng hợp kết quả và kết thúc kiểm tra tại trụ sở NTT	<ul style="list-style-type: none"> - Lập biên bản kiểm tra - Công bố kết luận kiểm tra
Bước 4: Xử lý kết quả kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra với người ra quyết định - Soạn thảo và ban hành quyết định xử lý (hoặc chuyển sang bộ phận thanh tra)

Các nội dung cụ thể của từng bước trong quy trình kiểm tra tại trụ sở NNT như sau:

Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra

Bước này cần làm các công việc sau:

(1.1) Soạn thảo quyết định kiểm tra

Việc kiểm tra thuế tại trụ sở NNT chỉ được thực hiện khi có quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở NNT. Quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở NNT do thủ trưởng cơ quan thuế ban hành.

(1.2) Thu thập thêm thông tin về ĐTNT phục vụ cho công tác kiểm tra.

(1.3) Chuẩn bị nhân sự và các tài liệu cần thiết để tiến hành kiểm tra.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra

Gồm các công việc:

(2.1) Thông báo quyết định kiểm tra

Chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định, quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được gửi cho NNT.

(2.2) Tiến hành kiểm tra thực tế các tài liệu liên quan đến tính thuế

Việc kiểm tra theo quyết định kiểm tra thuế phải được tiến hành chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định. Khi bắt đầu tiến hành kiểm tra thuế, trưởng đoàn kiểm tra thuế có trách nhiệm công bố quyết định kiểm tra thuế và giải thích nội dung quyết định kiểm tra để đối tượng kiểm tra hiểu và có trách nhiệm chấp hành quyết định kiểm tra. Trường hợp khi nhận được quyết định kiểm tra, Thời hạn kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

Bước 3: Tổng hợp kết quả và kết thúc kiểm tra tại trụ sở NTT

(3.1) Lập biên bản kiểm tra

Biên bản kiểm tra thuế phải được lập theo đúng mẫu và được ký trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

(3.2) Công bố kết luận kiểm tra

Biên bản kiểm tra phải được công bố công khai trước đoàn kiểm tra và NNT được kiểm tra. Biên bản kiểm tra phải được trưởng đoàn kiểm tra và NNT (hoặc đại diện hợp pháp của NNT) ký vào từng trang, đóng dấu của NNT (nếu có).

NNT được quyền nhận biên bản kiểm tra thuế, yêu cầu giải thích nội dung Biên bản kiểm tra thuế và bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế.

Bước 4: Xử lý kết quả kiểm tra thuế

Chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra với NNT, Trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo người ra quyết định kiểm tra thuế về kết quả kiểm tra. Trường hợp kết quả kiểm tra dẫn đến phải xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản, thủ trưởng CQT phải ra quyết định xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính. NNT có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử lý kết quả kiểm tra về thuế.

Trường hợp qua kiểm tra thuế mà phát hiện hành vi vi phạm về thuế có dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện, đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo thủ trưởng CQT để chuyển hồ sơ sang bộ phận thanh tra thuế và bổ sung vào kế hoạch thanh tra theo Luật Quản lý thuế.

Bộ phận kiểm tra tiến hành lưu hồ sơ kiểm tra thuế.

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm tra đối với doanh nghiệp

Hiệu quả công tác kiểm tra thuế không chỉ được xem xét, đánh giá đơn thuần ở khía cạnh hiệu quả kinh tế mà còn được xem xét, đánh giá dưới góc độ hiệu quả chính trị - xã hội. Vì vậy, các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra thuế được chia thành hai nhóm:

a. Các chỉ tiêu định lượng

Ngày 22/4/2013, Tổng cục Thuế đã có Quyết định số 688/QĐ-TCT bộ ban hành chỉ số đánh giá hoạt động quản lý thuế. Trong bộ chỉ số này, có 3 chỉ số riêng đánh giá kết quả hoạt động kiểm tra thuế và 2 chỉ số dùng chung để đánh giá kết quả thanh tra thuế và kiểm tra thuế. Xét dưới góc độ vận dụng lý

thuyết quản lý, 5 chỉ số này chính là 5 chỉ tiêu định lượng đánh giá kết quả hoạt động kiểm tra thuế. Cụ thể như sau:

(1) Tỷ lệ doanh nghiệp đã kiểm tra

Mục đích sử dụng: Đánh giá khối lượng công việc kiểm tra tại trụ sở NNT mà cán bộ kiểm tra thuế đã thực hiện trong năm đánh giá.

Nội hàm tiêu chí:

- Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm: Là số doanh nghiệp đã hoàn thành kiểm tra trong năm (Bao gồm: Số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá + số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm).

- Số doanh nghiệp đang hoạt động: Là số doanh nghiệp đã được cấp mã số thuế đang hoạt động sản xuất kinh doanh (tính đến 31/12/Năm đánh giá).

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ doanh nghiệp đã kiểm tra} = \frac{\text{Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm}}{\text{Số doanh nghiệp đang hoạt động}} \times 100\%$$

Số liệu thống kê:

- Số doanh nghiệp đã kiểm tra, bao gồm:
 - + Số doanh nghiệp đã kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá
 - + Số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá
- Số doanh nghiệp đang hoạt động

(2) Tỷ lệ doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm

Mục đích sử dụng: Đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp

Nội hàm tiêu chí:

- Số doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm: Là số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm và kết quả kiểm tra doanh nghiệp có sai phạm.
- Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm: Là số doanh nghiệp đã hoàn thành kiểm tra trong năm (Bao gồm: số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng

hoàn thành trong năm đánh giá + số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá).

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm} = \frac{\text{Số doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm}}{\text{Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm}} \times 100\%$$

Số liệu thống kê:

- Số doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm
- Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm, bao gồm:
 - + Số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá

+ Số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá

(3) Số thuế truy thu bình quân một cuộc kiểm tra

Mục đích sử dụng: Đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra thuế

Nội hàm tiêu chí:

- Tổng số thuế truy thu sau kiểm tra: Là toàn bộ số thuế doanh nghiệp bị truy thu sau kiểm tra của tất cả các doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm.

- Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm: Là số doanh nghiệp đã hoàn thành kiểm tra trong năm (Bao gồm: số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá + số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá).

Công thức tính:

$$\text{Số thuế truy thu bình quân 1 cuộc kiểm tra} = \frac{\text{Tổng số thuế truy thu sau kiểm tra}}{\text{Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm}}$$

Số liệu thống kê:

- Tổng số thuế truy thu sau kiểm tra
- Số doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm, bao gồm:
 - + Số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm

đánh giá

+ Số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá

(4) Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trên số cán bộ của bộ phận thanh tra, kiểm tra

Mục đích sử dụng: Đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện của cán bộ bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế.

Nội hàm tiêu chí:

- Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trong năm: Là số doanh nghiệp đã hoàn thành thanh tra, kiểm tra trong năm (Bao gồm: số doanh nghiệp thanh tra, kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá + số doanh nghiệp bắt đầu thanh tra, kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá).

- Số cán bộ của bộ phận thanh tra, kiểm tra: Là tổng số công chức, viên chức thuế làm việc tại bộ phận thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế (hiện có tính đến 31/12/Năm đánh giá).

Công thức tính:

Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trên số cán bộ của bộ phận thanh tra, kiểm tra = $\frac{\text{Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra}}{\text{Số cán bộ của bộ phận thanh tra, kiểm tra}}$

Số liệu thống kê:

- Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trong năm, bao gồm:

+ Số doanh nghiệp thanh tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá

+ Số doanh nghiệp bắt đầu thanh tra và hoàn thành trong năm đánh giá

+ Số doanh nghiệp kiểm tra năm trước nhưng hoàn thành trong năm đánh giá

+ Số doanh nghiệp bắt đầu kiểm tra và hoàn thành trong năm đánh giá

- Số công chức, viên chức thuế làm việc tại bộ phận thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế.

(5) Tỷ lệ số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra trên tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý

Mục đích sử dụng: Đánh giá mức độ đóng góp của công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách của ngành thuế.

Nội hàm tiêu chí:

- Tổng số thuế truy thu sau thanh tra: Là toàn bộ số thuế doanh nghiệp bị truy thu sau thanh tra của tất cả các doanh nghiệp đã thanh tra trong năm.

- Tổng số thuế truy thu sau kiểm tra: Là toàn bộ số thuế doanh nghiệp bị truy thu sau kiểm tra của tất cả các doanh nghiệp đã kiểm tra trong năm.

- Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý: Là tất cả các khoản thuế, phí ngành thuế thu được trong năm, bao gồm cả thu từ dầu, thu tiền sử dụng đất.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Tổng số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra}}{\text{Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý}} \times 100\%$$

Số liệu thống kê:

- Tổng số thuế truy thu sau thanh tra

- Tổng số thuế truy thu sau kiểm tra

- Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý

Qua việc trích dẫn nội dung và cách xác định các chỉ số đánh giá hoạt động kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế nêu trên có thể rút ra một số nhận xét sau: (i) Các chỉ số trên đã có thể phản ánh khái quát những kết quả quan trọng nhất của hoạt động kiểm tra nhưng nếu muốn đánh giá đầy đủ hơn kết quả hoạt động kiểm tra thì cần có các chỉ tiêu định lượng khác; (ii) Thuật ngữ “Nội hàm tiêu chí” mà Tổng cục Thuế sử dụng giải thích các chỉ số nói trên thực ra không phải là nội hàm tiêu chí mà các yếu tố cấu thành công thức xác định chỉ số; (iii) Riêng các chỉ số thứ 4 và thứ 5 nêu trên có thể vận dụng đánh giá hoạt động kiểm tra thuế ở toàn quốc và từng cục thuế/chi cục thuế.

b. Các tiêu chí định tính

Các chỉ tiêu định tính thường là hệ quả của công tác kiểm tra mà không thể hoặc khó tính toán, đo đếm được. Đó thường là những hiệu quả có tính chính trị - xã hội như:

✓ *Ý thức tuân thủ pháp luật thuế của NNT sau khi được kiểm tra:* Tiêu chí này có thể đo lường được thông qua việc so sánh tỷ lệ tuân thủ pháp luật thuế của công tác kiểm tra thuế qua các năm, đặc biệt là các đối tượng đã được kiểm tra (mức độ tái phạm).

✓ Tác dụng trong việc ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật thuế; tạo sự công bằng giữa mọi NNT; tạo môi trường kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Có thể đánh giá tác dụng này thông qua xem xét tỷ lệ đối tượng vi phạm bị xử lý truy thu thuế và xử phạt hành chính thuế (chia theo hình thức xử phạt).

✓ *Tác dụng trong việc phòng chống tham nhũng trong nội bộ CQT và tạo lòng tin của nhân dân vào hoạt động kiểm tra thuế:* Có thể đánh giá tác dụng này thông qua xem xét tỷ lệ cán bộ thuế vi phạm pháp luật trong kiểm tra thuế; tỷ lệ cán bộ thuế vi phạm bị xử lý (chia theo hình thức); những vụ việc vi phạm quan trọng và nhạy cảm được phát hiện và xử lý...

✓ *Khả năng nâng cao hiểu biết pháp luật của NNT qua kiểm tra thuế:* Vi phạm pháp luật thuế có hai trường hợp, một là NNT không hiểu pháp luật thuế dẫn đến vi phạm, hai là NNT hiểu biết pháp luật thuế nhưng vẫn cố ý làm trái. Trường hợp không hiểu biết pháp luật dẫn đến vi phạm chiếm tỷ lệ cao trong tổng số NNT vi phạm.

✓ *Mức độ phát hiện những bất hợp lý của pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng qua kiểm tra thuế:* Thông qua kiểm tra thuế, trên cơ sở những vi phạm của NNT, cán bộ kiểm tra thuế thực hiện truy lần, đối chiếu với quy định của pháp luật thuế và pháp luật có liên quan, đã phát hiện ra những bất hợp lý của pháp luật. Từ đó, có những đề xuất sửa đổi hoặc kiến nghị đối với cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, đảm bảo tính phù hợp và chặt chẽ của pháp luật.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp

Trong quá trình triển khai thực hiện, hiệu quả công tác kiểm tra thuế của CQT có nhiều nhân tố tác động đến, cả khách quan và chủ quan. Cụ thể là:

a. Các nhân tố chủ quan

Các nhân tố chủ quan là các nhân tố thuộc về bản thân CQT. Chủ yếu là các nhân tố sau đây:

✓ *Quy trình nghiệp vụ về kiểm tra thuế*: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện theo đúng qui trình là nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế, qui trình được xây dựng rõ ràng, minh bạch, bao quát hết các bước công việc của công tác kiểm tra thuế thì giúp cho cán bộ kiểm tra thực hiện được dễ dàng, công tâm, khách quan hơn.

✓ *Chất lượng của công tác lập kế hoạch và chuẩn bị công tác kiểm tra*: Lập kế hoạch đúng, giúp lựa chọn đúng đối tượng kiểm tra thuế. Lập kế hoạch đúng, giúp lựa chọn đúng thời điểm tiến hành kiểm tra. Chuẩn bị kiểm tra thuế càng kỹ lưỡng thì hiệu quả công tác kiểm tra thuế càng cao và ngược lại.

✓ *Tổ chức bộ máy của cơ quan thuế*: Để thực hiện có hiệu quả cơ chế NNT tự khai tự nộp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, bộ máy cơ quan thuế được cải cách, tổ chức theo mô hình chức năng chuyên sâu (Tuyên truyền-hỗ trợ; quản lý kê khai; Thanh tra, kiểm tra; quản lý nợ thuế), trong đó chức năng kiểm tra là nhiệm vụ trọng tâm trong mô hình chức năng. Hiện nay, tổ chức bộ máy cho công tác kiểm tra thuế được tổ chức thành 02 cấp (cấp Cục Thuế có phòng kiểm tra; cấp Chi cục Thuế có đội kiểm tra).

✓ *Hệ thống cơ sở dữ liệu và việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc khai thác, phân tích thông tin về NNT*: Thông tin là một trong những cơ sở tiên quyết của mọi quyết định quản lý. Trong kiểm tra thuế, thông tin là cơ sở để lựa chọn đúng đối tượng kiểm tra; là cơ sở để lựa chọn phương pháp và phạm vi, trọng tâm tiến hành kiểm tra; là cơ sở để xác định có hay không hành vi vi phạm pháp luật thuế của đối tượng kiểm tra. Cơ sở dữ liệu thông tin càng đầy đủ, chính xác và kịp thời thì hiệu quả kiểm tra thuế càng cao.

✓ *Trình độ và đạo đức của người đứng đầu CQT*: Người lãnh đạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi hệ thống quản lý mà trong quản lý thuế không phải là một ngoại lệ. Tài năng, đạo đức và uy tín của người lãnh đạo CQT có tác động quan trọng đến chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm tra thuế.

✓ *Trình độ chuyên môn và tính liêm chính của cán bộ kiểm tra thuế*: Con người là nhân tố quyết định đến sự thành bại của mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Con người là nhân tố trung tâm của mọi hệ thống quản lý. Lĩnh vực kiểm tra thuế cũng không phải là ngoại lệ. Trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ kiểm tra thuế càng cao thì chất lượng công tác kiểm tra càng tốt và ngược lại.

✓ *Sự nghiêm minh trong xử lý vi phạm*: Chế tài là một trong ba bộ phận cơ bản cấu thành của một quy phạm pháp luật. Chế tài có chức năng áp dụng hình phạt với hành vi vi phạm pháp luật. Chức năng này sẽ không được thực hiện đầy đủ khi việc tổ chức thực hiện pháp luật không nghiêm minh. Khi xử lý vi phạm không nghiêm minh sẽ khiến cả cán bộ kiểm tra và NNT nhờn luật; giảm tác động cảnh báo, ngăn ngừa của công tác kiểm tra thuế.

Sự ảnh hưởng của mỗi nhân tố đều có tác động hai mặt, cả tích cực và hạn chế. Chính vì vậy, CQT phải có các biện pháp, giải pháp hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực, phát huy tác dụng tích cực để nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác kiểm tra thuế

b. Các nhân tố khách quan

Các nhân tố khách quan là những nhân tố không thuộc về cơ quan thuế mà thuộc về các cơ quan, tổ chức khác trong xã hội. Cụ thể là:

✓ *Hành lang pháp lý về quản lý thuế và kiểm tra thuế*: Pháp luật thuế càng hoàn thiện thì càng tạo ra một cơ sở pháp lý rõ ràng, đầy đủ, vững chắc, làm cho hoạt động kiểm tra thuế được thuận lợi. Pháp luật thuế thiếu minh bạch thì cơ sở xác định sai phạm không vững chắc, có thể gây những tranh luận không có hồi kết về mức độ đúng sai trong hành vi của NNT và của CQT. Pháp luật

không đầy đủ thì không có cơ sở pháp lý để tiến hành một số nội dung kiểm tra thuế cần thiết...

✓ *Trình độ dân trí, ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT*: Người dân có tác động đến hoạt động kiểm tra thuế trên hai phương diện: (i) Họ là NNT, là đối tượng của kiểm tra thuế; (ii) Họ là quần chúng nhân dân có thông tin về đối tượng kiểm tra. Trên phương diện thứ nhất, với trình độ dân trí cao và ý thức chấp hành pháp luật tốt thì NNT phối hợp tốt với cơ quan kiểm tra; tạo sự thuận lợi cho công tác kiểm tra. Trên phương diện thứ hai, trình độ dân trí càng cao thì người dân càng chủ động đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng, người dân sẽ tích cực giúp đỡ CQT trong quá trình kiểm tra thuế.

✓ *Trình độ phát triển kinh tế - xã hội*: Trình độ phát triển KT-XH là một trong những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra thuế nói riêng. Cùng với sự phát triển KT-XH trong giai đoạn hội nhập hiện nay, thì hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật thuế sẽ dần được hoàn thiện, cơ sở trang thiết bị kỹ thuật ngày càng được hiện đại hóa, số lượng NNT không ngừng tăng nhanh... Tất cả những biến đổi trên đều tác động đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế.

✓ *Sự phối hợp của các cơ quan nhà nước có liên quan*: Để tiến hành công tác kiểm tra thuế, CQT cần sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước như: công an, quản lý thị trường, thanh tra, kho bạc, ngân hàng... Hoạt động phối hợp có ý nghĩa quan trọng trong xác định thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình chấp hành pháp luật thuế của NNT.

✓ *Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của CQT*: Sự đầu tư của nhà nước về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc có tác động không nhỏ đến hiệu quả và chất lượng của công tác kiểm tra thuế. Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc hiện đại giúp nâng cao hiệu suất làm việc của cán bộ kiểm tra thuế.

✓ *Chế độ đãi ngộ đối với người làm công tác kiểm tra thuế*: Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm tra thuế nằm trong tổng thể chế độ tiền

lương và thu nhập của cán bộ, công chức. Một chế độ đãi ngộ thỏa đáng sẽ tạo động lực làm việc tốt cho mỗi cán bộ, công chức nói chung và mỗi cán bộ kiểm tra thuế nói riêng. Chế độ đãi ngộ thỏa đáng, đảm bảo đời sống của cán bộ sẽ góp phần giảm động cơ tham nhũng.

Kết luận chương 1:

Trong chương 1 luận văn tập trung làm rõ lý luận tổng quan về kiểm tra thuế về vai trò, nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức kiểm tra thuế. Trong đó góp phần làm rõ lý luận và ý nghĩa thực tiễn của sự cần thiết khách quan trong thực hiện công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp để ta hiểu hơn về quy trình kiểm tra, các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm tra thuế. Qua đây giúp ta phát hiện ra những sai sót trong qua trình doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với nhà nước với nhân dân để có hướng khắc phục và xử lý kịp thời.

Chương 2

THỰC TRẠNG KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

2.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình và tổ chức quản lý thuế ở cục thuế tỉnh Ninh Bình

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực Nam đồng bằng Sông Hồng thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp tỉnh Nam Định, phía Đông Nam giáp biển Đông, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Thanh Hóa, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Bình.

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 1.390 km² với các loại đất phù sa thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và trồng cây cói, thuận lợi cho việc thâm canh hoa màu và trồng cây lương thực có chất lượng cao; Tài nguyên nước mặt khá dồi dào, thuận lợi cho việc tưới, phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ giao thông vận tải thủy. Ninh Bình có mật độ các hệ thống sông, suối ở mức trung bình với tổng chiều dài các con sông chính trên 496km, chiếm diện tích 3.401ha, mật độ đạt 0,5km/km². Bên cạnh đó, trong tỉnh còn có 21 hồ chứa nước lớn, diện tích 1.270ha, với dung tích 14,5 triệu m³ nước, năng lực tưới cho 4.438 ha. Ninh Bình là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất với khoảng 19.033ha, chiếm 23,5% diện tích rừng của vùng, chiếm 13,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Rừng tự nhiên: Tổng diện tích là 13.633,2ha, trữ lượng gỗ 1,1 triệu m³. Tài nguyên đá vôi: Đá vôi là nguồn tài nguyên khoáng sản lớn nhất của Ninh Bình. Với những dãy núi đá vôi khá lớn, chạy từ Hoà Bình, theo hướng tây bắc – đông nam, qua Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, thị xã Tam Điệp, Yên Mô, tới tận biển Đông, dài hơn 40 km, diện tích trên 1.2000ha, trữ lượng hàng chục tỷ mét khối đá vôi và hàng chục triệu tấn đolômít. Đây là nguồn nguyên liệu lớn để sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng và một số hóa chất khác; Tài nguyên đất sét: Phân bố rải rác ở các vùng đồi núi thấp thuộc xã Yên Sơn, Yên Bình (thành phố Tam Điệp),

huyện Gia Viễn, Yên Mô, dùng để sản xuất gạch ngói và nguyên liệu ngành đúc; Tài nguyên nước khoáng: Nước khoáng Ninh Bình chất lượng tốt. Tài nguyên bùn: Trữ lượng nhỏ, khoảng trên 2 triệu tấn, phân bố ở các xã Gia Sơn, Sơn Hà (Nho Quan), Quang Sơn (thành phố Tam Điệp), có thể sử dụng để sản xuất phân vi sinh, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Dân số và việc làm: Với quy mô dân số năm 2016 là hơn 90 vạn người. So với dân số khu vực đồng bằng Sông Hồng, dân số tỉnh Ninh Bình chiếm 5,6% và bằng 1,2% dân số cả nước. Mật độ dân số của tỉnh (khoảng 675 người/km²) thấp hơn mật độ trung bình của vùng, dự kiến dưới 1 triệu người đến 2020 và đang nằm trong “thời kỳ dân số vàng”, là lợi thế không nhỏ để cung cấp nguồn lao động, thuận lợi trong quản lý và không gây sức ép lớn đối với phát triển kinh tế;

Tổ chức hành chính: Tỉnh Ninh Bình có 08 đơn vị hành chính gồm: 02 thành phố trực thuộc tỉnh và 06 huyện thị.

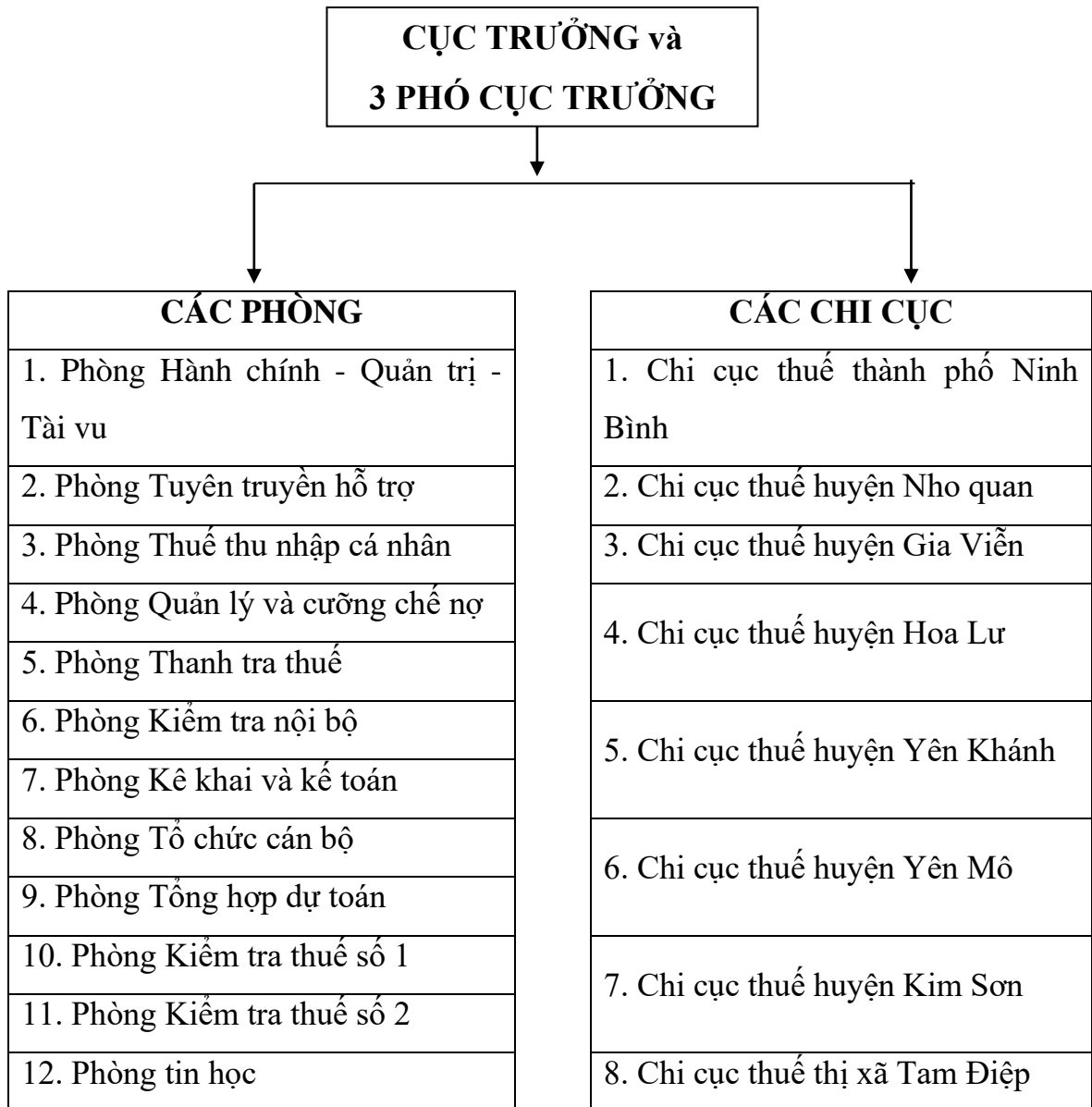
Từ các điều kiện kinh tế, xã hội nêu trên của tỉnh Ninh Bình đã có tác động không nhỏ đến công tác kiểm tra thuế trên mọi phương diện cả những thuận lợi và những thách thức trong thời gian tới.

2.1.2. Tổ chức quản lý thuế của cục thuế tỉnh Ninh Bình

Cục thuế tỉnh Ninh Bình được thành lập năm 1992 chịu sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ – Hội đồng nhân dân – Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn và quản lý con người theo cơ cấu ngành dọc là Tổng cục thuế -Bộ tài chính, bộ máy gồm 1 Cục trưởng, 3 Phó cục trưởng, 12 phòng chuyên môn, 08 Chi cục thuế huyện, thành phố trực thuộc Cục thuế với 505 cán bộ công chức. Về tổ chức đảng gồm có 01 Đảng bộ Văn phòng Cục thuế trực thuộc Đảng bộ khối cơ quan dân chính đảng tỉnh Ninh Bình, có 01 đảng bộ và 17 chi bộ các Chi cục trực thuộc Đảng bộ các huyện, thành phố với tổng số đảng viên là 360 người.

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 50 cán bộ công chức có trình độ thạc sỹ chiếm 9.9%, 309 cán bộ công chức có trình độ đại học chiếm 61.2% , còn lại 146 cán bộ công chức là trình độ trung cấp chiếm 28.9%.

Bộ máy Cục Thuế được bố trí 12 phòng và 08 Chi cục Thuế.



2.2. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình

2.2.1. Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế

Giai đoạn 2015-2017 Cục thuế tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo giám sát chặt chẽ thường xuyên hồ sơ khai thuế nhất là đối với hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ ưu đãi miễn giảm thuế, hồ sơ có hoạt động xuất khẩu hàng hoá, hồ sơ khai thuế tài nguyên, phí môi trường, hồ sơ khai thuế đột biến, bất thường nhằm phát hiện những sai phạm ngay trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế để có điều chỉnh bổ sung kịp thời, ngăn chặn những hành vi khai man trốn thuế tránh thất thoát tiền thuế của ngân sách nhà nước;

Trong giai đoạn 2015 – 2017 số lượng NNT tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng đã tác động không nhỏ tới việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác thuế trên địa bàn. Để thấy rõ thực trạng công tác kiểm tra tại bàn ở văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình, cần xem xét cụ thể từng nội dung của công tác này, bao gồm: hoạt động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra thuế.

2.2.1.1. Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế

a) Kết quả đạt được

Công tác xây dựng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Một kế hoạch đúng đắn và hợp lý mới đảm bảo công tác luôn đi đúng hướng và đạt được hiệu quả mong muốn. Tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình, quá trình xây dựng kế hoạch kiểm tra tại bàn luôn được thực hiện theo đúng quy định. Kế hoạch kiểm tra hàng năm đã được xây dựng từ tháng 12 năm của năm trước. Từ đầu tháng 12 cho đến ngày 20/12 hàng năm, bộ phận kiểm tra thuế giải trình thủ trưởng cơ quan danh sách NNT phải kiểm tra hồ sơ khai thuế theo đánh giá rủi ro.

Việc phân tích, đánh giá, lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế để lập danh sách phải kiểm tra hồ sơ thuế được tiến hành dựa vào việc theo dõi quá trình kê khai nộp thuế của NNT từ thời điểm hiện tại trở về trước. Một số tiêu thức để đánh giá rủi ro về thuế đối với NNT là:

- Có ý thức tuân thủ pháp luật về thuế thấp như: là những cơ sở nộp hồ sơ khai thuế thường không đầy đủ các tài liệu kèm theo hoặc nộp không đúng hạn các loại hồ sơ khai thuế; khai thuế hay sai sót không đúng với số thuế thực tế phải nộp; phải điều chỉnh nhiều lần; cơ quan thuế đã nhắc nhở nhưng chậm khắc phục, vi phạm về hồ sơ khai thuế quý, tháng mà cơ quan thuế phải ra quyết định kiểm tra tại trụ sở cơ sở kinh doanh; không nộp đầy đủ số thuế đã kê khai và nộp chậm kéo dài, thường xuyên có tình trạng nợ thuế.

- Có các dấu hiệu không bình thường về khai thuế so với tháng trước hoặc năm trước như: Có số thuế giá trị gia tăng (-) liên tục nhưng không xin hoàn hoặc có xin hoàn nhưng hồ sơ khai thuế không đầy đủ và cơ quan thuế đã có yêu cầu bổ sung hoàn thiện nhưng không thực hiện được, có đột biến về doanh thu hoặc số thuế phải nộp tăng (+), giảm (-) trên 20%.

- Cơ sở kinh doanh có doanh thu năm trước hoặc số thuế phải nộp lớn. CQT sẽ có quy định cụ thể mức doanh thu và số tiền thuế phải nộp để xác định cơ sở kinh doanh có doanh thu hoặc số thuế phải nộp lớn.

Ngoài ra, còn đưa vào kế hoạch kiểm tra một số cơ sở kinh doanh theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Cục thuế.

Hai phòng kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Ninh Bình đã thực hiện nghiêm túc việc chuẩn bị để trình cục trưởng cục thuế danh sách người nộp thuế phải kiểm tra hồ sơ khai thuế, đảm bảo đúng thời hạn quy định của Tổng cục Thuế (không chậm quá ngày 20/12). Căn cứ vào danh sách số lượng NNT phải kiểm tra hồ sơ khai thuế đã được thủ trưởng CQT duyệt, các Trưởng phòng kiểm tra thuế giao cụ thể số lượng NNT phải kiểm tra hồ sơ thuế cho từng cán bộ kiểm tra thuế.

Để rõ hơn thực trạng công tác lựa chọn đối tượng kiểm tra ở Cục thuế tỉnh Ninh Bình, ta nhìn nhận qua một số ví dụ sau:

Ví dụ 2.1: Kế hoạch kiểm tra đối với DN không có ý thức chấp hành nộp hồ sơ khai thuế theo quy định.

Công ty TNHH một thành viên Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa; Mã số thuế: 2700132397; Nộp hồ sơ khai thuế của tháng 8/2017 vào ngày 29/9/2017. Hồ sơ khai thuế nộp chậm 9 ngày so với quy định. Cục thuế Ninh Bình đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với Công ty. Tuy nhiên, đến tháng 10/2017 Công ty vẫn tiếp tục nộp chậm hồ sơ khai thuế GTGT của tháng 9/2017. Hồ sơ được nộp vào ngày 25/10/2017, sau khi đã được cán bộ thuế nhắc nhở nhiều lần bằng điện thoại. Vì thế, Công ty TNHH một thành viên Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa được lựa chọn để đưa vào kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế năm 2017

Ví dụ 2.2: Doanh nghiệp có số thuế âm liên tục trong nhiều tháng liên tiếp.

Qua phân tích hồ sơ khai thuế GTGT các tháng năm 2016 của Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền – Chi nhánh Ninh Bình; Mã số thuế: 0302975517-003; Địa chỉ: Khu công nghiệp khánh phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Có hồ sơ khai thuế GTGT từ tháng 01 đến tháng 05/2016, đơn vị đã có doanh thu bán ra nhưng chưa phát sinh số thuế phải nộp. Đến tháng 6/2016, Công ty tiếp tục nhập phân bón nguyên liệu của các tháng tiếp theo và hồ sơ kê khai từ tháng 6 đến tháng 12/2016 liên tục âm đến cuối năm số thuế âm là: 5.017triệu đồng, nhưng Chi nhánh không xin hoàn thuế. Cán bộ thuế thấy có nghi vấn trong thực hiện kê khai thuế, tính thuế của Chi nhánh Bình Điền. Vì thế, Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền được lựa chọn là đối tượng nằm trong kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế năm 2017.

Hàng năm, số lượng NNT được tiến hành kiểm tra tại bàn ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình đều tăng. Để thấy rõ hơn thực trạng công tác kiểm tra thuế tại bàn tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình ta đi xét bảng tổng hợp số liệu sau:

**Bảng 2.1: Kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan cục thuế
tỉnh Ninh Bình năm 2017**

Đơn vị: Phần trăm (%)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Số lượng	% So với năm 2015	Số lượng	% So với năm 2016
Tổng số hồ sơ theo kế hoạch (lượt hồ sơ)	4916	5181	105.4%	5611	108.3%

[Nguồn: Cục thuế tỉnh Ninh Bình]

Qua biểu số liệu trên, ta thấy công tác kiểm tra tại bàn của hai phòng kiểm tra thuế tại Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình đã được Cục Thuế quan tâm. Năm 2016 số lượt hồ sơ được kiểm tra tại bàn là: 5.181 lượt hồ sơ, so với năm 2015 số lượt hồ sơ được kiểm tra tại bàn là: 4.916 lượt tăng 265 lượt ($5.181 - 4.916 = 265$) tương ứng với tỷ lệ 105,4%. Năm 2017 số lượt hồ sơ được kiểm tra tại bàn là: 5.611 lượt hồ sơ, so với năm 2016 số lượt hồ sơ được kiểm tra tại bàn là: 5.181 tăng 430 lượt hồ sơ ($5.611-5.181=430$) tương ứng với tỷ lệ 108.3%.

Như vậy, công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra tại bàn ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình luôn được chú trọng, số hồ sơ được kiểm tra tại bàn năm sau luôn cao hơn năm trước cả về số tương đối và số tuyệt đối, đó là nhờ có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Văn phòng Cục thuế và sự tích cực thực hiện của cán bộ làm công tác kiểm tra thuế tại Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình.

b) Hạn chế:

Công tác lập kế hoạch kiểm tra đã có tiến bộ so với các năm trước. Song do còn thiếu thông tin, cơ sở dữ liệu để phân tích đánh giá mức độ rủi ro về thuế cho nên việc lựa chọn DN để đưa vào kế hoạch kiểm tra chưa sát với yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn, theo nhận xét chủ quan của cán bộ kiểm tra.

c) Nguyên nhân của hạn chế:

Công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế mặc dù có ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nhưng phần lớn vẫn còn theo cảm tính và dựa trên kinh nghiệm của người làm kế hoạch, hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT chưa hoàn thiện. Hiện nay hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT phục vụ công tác kiểm tra còn chưa hoàn thiện hoặc lạc hậu, dữ liệu thiếu và không kịp thời (bảng kê mua vào, bán ra của DN, báo cáo tài chính), các thông tin khác về tình hình kinh doanh và lịch sử DN chưa đầy đủ, chậm thay đổi thông tin NNT, thông tin lạc hậu... chưa sát đúng với thực tế.

2.2.1.2. Tình hình tổ chức thực hiện công tác kiểm tra trụ sở cơ quan thuế

Dựa vào kế hoạch kiểm tra đã được xét duyệt và phân công công tác, từng cán bộ kiểm tra sẽ tự lập kế hoạch kiểm tra theo tháng, quý đối với từng NNT cụ thể để đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong năm.

a). Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý và thời hạn kê khai của hồ sơ khai thuế

**** Nội dung kiểm tra:***

Từ năm 2014, Cục Thuế tỉnh Ninh Bình đã triển khai kê khai thuế điện tử cho DN đang hoạt động trên địa bàn Cục thuế quản lý. Ưu điểm của hình thức kê khai này là người nộp thuế có thể nộp hồ sơ khai thuế 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần mà không lệ thuộc giờ làm việc hành chính của cơ quan thuế. Hồ sơ khai thuế qua mạng có tính pháp lý cao, dễ tổ chức lưu trữ lâu dài, giảm chi phí giấy tờ, in ấn, giảm chi phí thời gian nộp hồ sơ cho người nộp thuế. Trong trường hợp bị mất dữ liệu hồ sơ khai thuế, người nộp thuế có thể đề nghị cơ quan thuế hỗ trợ cung cấp ngược lại hồ sơ mà mình đã gửi trước đây. Khi nộp hồ sơ khai thuế qua mạng, cơ quan thuế sẽ xử lý cập nhật dữ liệu tự động, tránh được sai sót trong khâu nhập dữ liệu, tạo điều kiện cho cơ quan thuế lưu trữ hồ sơ dạng điện tử, tiết kiệm được NSNN trong công tác luân chuyển, lưu trữ hồ sơ.

Theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành thì việc kiểm tra ban đầu các hồ sơ khai thuế thuộc trách nhiệm của Phòng kê khai và kế toán thuế. Khi phát hiện NNT kê khai không đúng thủ tục hành chính thuế, hồ sơ khai thuế chưa đầy đủ

theo quy định, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, bộ phận này phải thông báo cho NNT. Khi nhận được tờ khai điều chỉnh, các quyết định xử lý hành chính về thuế hoặc thông tin điều chỉnh khác của NNT theo quy định, cán bộ thuế sẽ thực hiện việc điều chỉnh các số liệu về nghĩa vụ thuế của NNT.

Hồ sơ khai thuế bao gồm tờ khai thuế và các tài liệu liên quan làm căn cứ để NNT khai thuế, tính thuế với CQT. NNT phải sử dụng đúng mẫu tờ khai thuế và các mẫu phụ lục kèm theo tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế. Đối với một số loại giấy tờ trong hồ sơ thuế mà Bộ Tài chính không ban hành mẫu thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Do cán bộ kiểm tra phát hiện và chấn chỉnh kịp thời nên chất lượng hồ sơ khai thuế của DN đã tăng lên rõ rệt, giảm thiểu những sai sót về thủ tục, hồ sơ, lỗi số học....

Như vậy, kết quả của công tác kiểm tra tại bàn về tính đầy đủ, pháp lý của hồ sơ thuế đã có tác động rất lớn đến tính tuân thủ pháp luật thuế của NNT, từ đó giảm chi phí của NNT trong việc chỉnh sửa bổ sung tờ khai, cơ quan thuế sớm chuyển sang các bước tiếp theo của công tác kiểm tra thuế.

*** Hạn chế:**

Hiện nay, phòng Kế khai và kế toán thuế mới chỉ kiểm tra được tờ khai mà chưa kiểm tra được các bảng kê. Việc kiểm tra các bảng kê được chuyển cho các phòng kiểm tra thuế.

Ngoài ra, sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai chưa đồng bộ, trình độ kế toán của các DN nhỏ và vừa còn hạn chế nên một số DN khi bị lỗi phần mềm hỗ trợ kê khai vẫn làm bằng tay hoặc làm trên các phần mềm khác. Hồ sơ khai thuế còn thiếu, từ đó gây khó khăn cho cán bộ thuế nhập tờ khai cũng như quản lý hồ sơ khai thuế.

*** Nguyên nhân của hạn chế:**

Hạn chế trong kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý của hồ sơ khai thuế xuất phát từ ba nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do trình độ kế toán của các DN vừa và nhỏ còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao.

- Do cơ quan thuế chưa có đủ điều kiện để thường xuyên tập huấn, hướng dẫn NNT thực hiện khai thuế theo đúng quy định.

- Do phần mềm hỗ trợ kê khai mới được đưa vào sử dụng nên không tránh khỏi những sai sót, bất cập mà chưa được nâng cấp kịp thời

b) Kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn

**** Nội dung kiểm tra***

Hiện nay, chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn tại các DN có rất nhiều vấn đề đáng lưu ý. Vì động cơ vụ lợi nên các tổ chức, cá nhân kinh doanh, cơ quan nhà nước bất chấp pháp luật đã sử dụng hóa đơn ghi khống HHDV, tiền thuế GTGT để kê khai khấu trừ thuế, rút tiền từ ngân sách, gây thất thoát số tiền đặc biệt lớn cho NSNN. Để ngăn chặn các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn, Văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình đã kết hợp giữa kiểm tra hồ sơ thuế với kiểm tra việc chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ để ngăn chặn các hành vi vi phạm. Cụ thể phải kiểm tra ngày, tháng xuất hóa đơn, các thông tin của khách hàng xem DN có thực xuất hay không. Thông thường, số hóa đơn tăng dần theo thứ tự thời gian. Nếu phát hiện một vài số hóa đơn bị bỏ cách thì NNT phải giải trình nguyên nhân bị bỏ cách. Ở đây, có nhiều trường hợp vi phạm có thể xảy ra như hóa đơn bị bỏ do ghi sai; mất hóa đơn do lưu giữ không cẩn thận hoặc cố tình che dấu doanh thu... Nếu NNT không thể giải trình được thì sẽ bị xử phạt hành chính.

Cán bộ thuế cũng coi trọng việc phát hiện các hóa đơn của DN bỏ trốn. Xác định xem hóa đơn của HHDV được bán ra trước hay sau thời điểm DN bỏ trốn đã được thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng. Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình cũng thường xuyên thực hiện công tác xác minh hóa đơn theo quy định.

Bằng các thao tác nghiệp vụ như trên, bộ phận kiểm tra thuế đã có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao tính tuân thủ pháp luật, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong sử dụng và quản lý hóa đơn của các DN.

*** Hạn chế:**

Hạn chế trong công tác kiểm tra quản lý, sử dụng hóa đơn của NNT là mất nhiều thời gian, có khi không phát hiện được NNT sử dụng sai hóa đơn, chứng từ. Khó khăn trong xác minh hóa đơn, đặc biệt là hóa đơn HHDV mua vào.

*** Nguyên nhân của hạn chế:**

- Do nguồn nhân lực trong ngành Thuế còn quá mỏng, mà số DN ngày một tăng, vì thế không có đủ nguồn nhân lực để kiểm tra chi tiết các tờ hoá đơn đầu ra, đầu vào trong hồ sơ khai thuế của các DN trên địa bàn.

- Mặt khác, do công tác phối hợp giữa các CQT trong địa bàn của tỉnh cũng như với CQT trong toàn quốc còn hạn chế trong việc xác minh hoá đơn. Văn bản yêu cầu xác minh hoá đơn được thực hiện quá chậm so với quy định, kết quả xác minh còn chưa chính xác. Vì thế, công tác kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn của các DN gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp. Từ đó, có thể làm thất thoát nguồn thu của NSNN.

c) Kiểm tra căn cứ tính thuế, số thuế phải nộp trong hồ sơ khai thuế

*** Nội dung kiểm tra:**

Đây là công việc có vai trò quan trọng nhất trong công tác kiểm tra thuế. Công việc này liên quan trực tiếp đến số thu thuế. Do hiện nay, ngành Thuế đang thực hiện quản lý thuế theo cơ chế NNT tự khai, tự nộp, mọi hồ sơ khai thuế đều có thể ẩn chứa các dấu hiệu vô ý hay cố tình vi phạm pháp luật về thuế, làm sai lệch căn cứ tính thuế, làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, được hoàn, giảm số thuế phải nộp, gây thất thu cho NSNN. Công tác kiểm tra tiến hành có hiệu quả sẽ giảm thiểu rủi ro về thuế, nâng cao tính tuân thủ pháp luật, đảm bảo khai đúng, nộp đủ, kịp thời số thuế phải nộp. Nhận thức được tầm quan trọng đó, cán bộ kiểm tra của hai phòng kiểm tra của Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình đều hết sức thận trọng tuân thủ quy trình kiểm tra thuế cũng như việc tác nghiệp chuyên môn của mình. Mỗi cán bộ phải tự chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra các hồ sơ thuế được giao.

Bộ phận kiểm tra đã có sự kết hợp với bộ phận kê khai và kế toán thuế trong công tác xây dựng hệ thống dữ liệu về NNT. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra thuế đã sử dụng dữ liệu kê khai thuế của NNT trong hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành (TMS, TPR...) và những dữ liệu thông tin của NNT chưa được nhập vào hệ thống dữ liệu của ngành để kiểm tra hồ sơ khai thuế xem các thông tin NNT kê khai, tính thuế đã chính xác chưa.

Ứng với mỗi sắc thuế cụ thể đều có các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn cụ thể. Công chức thuế thuộc bộ phận kiểm tra trước hết phải xác định chính xác các căn cứ tính thuế. Khi xác định số thuế phải nộp thì tiến hành kiểm tra số học giữa số liệu tổng hợp trên các bảng kê với tờ khai thuế.

Dựa trên cơ sở dữ liệu đã có về NNT, so sánh số thuế phải nộp của cơ sở kinh doanh cùng mặt hàng, ngành nghề, quy mô, tài liệu và kết quả kiểm tra tại bàn có hiệu lực, cán bộ kiểm tra có thể tiến hành ấn định số thuế phải nộp của NNT theo phương pháp kê khai, trong trường hợp vi phạm pháp luật thuế như: không đăng ký thuế, không nộp hồ sơ kê khai thuế, nộp hồ sơ kê khai thuế sau mười ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của CQT hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế, không phản ánh được hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế, không xuất trình sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp trong thời hạn quy định, mua bán, trao đổi và hạch toán giá trị HHDV không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường, có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tình hình cụ thể về kết quả kiểm tra tại cơ quan thuế tại Văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình từ năm 2015 - 2017 được thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 2.2: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ thuế tại CQT

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
			Số lượng	% so với năm 2015	Số lượng	% so với năm 2017
Số hồ sơ phải kiểm tra	Hồ sơ	4916	5181	105,4%	5611	108,3%
Số hồ sơ đã kiểm tra	Hồ sơ	4916	5181	105,4%	5611	108,3%
Số hồ sơ đã kiểm tra/ Số hồ sơ phải kiểm tra	%	100	100		100	
Số hồ sơ được chấp nhận	Hồ sơ	4885	5168	105,8%	5594	108,2%
Số hồ sơ phải điều chỉnh	Hồ sơ	31	13	41,9%	17	130,8%
Số thuế điều chỉnh tăng	Triệu đồng	56,53	41,97	74,2%	53,51	127,5%
Số thuế điều chỉnh giảm	Triệu đồng	0	0		0	

[Nguồn: Cục Thuế tỉnh Ninh Bình]

Biểu số liệu trên cho thấy, kết quả sau kiểm tra tại bàn ở Cục thuế tỉnh Ninh Bình đã làm tăng thu đáng kể cho NSNN. Ta nên chú ý rằng công tác kiểm tra tại bàn chỉ tiến hành kiểm tra đối với hồ sơ thuế mà NNT tự kê khai, những thông tin ghi trên hồ sơ khai thuế rất hạn chế thì ta mới thấy hết được sự khó khăn của cán bộ thuế trong công tác kiểm tra.

Trong 03 năm:

- Tổng số hồ sơ gửi đến cơ quan thuế là: 15.708 hồ sơ các loại;
- Số hồ sơ được chấp nhận là: 15.647 hồ sơ;
- Số hồ sơ điều chỉnh là: 61 hồ sơ;
- Số tiền thuế điều chỉnh tăng là: 152,01 triệu đồng;

Những số liệu trên cho thấy, nếu không tiến hành kiểm tra thuế tại bàn thì những sai sót trong kê khai của NNT sẽ liên tục xảy ra và số thuế Nhà nước chưa quản lý thu kịp thời và có khả năng mất thuế sẽ còn lớn hơn rất nhiều.

Số lượng hồ sơ khai thuế kiểm tra tại bàn qua các năm đều tăng: năm 2016 tăng so với năm 2015 là 5,4%; năm 2017 tăng so với năm 2016 là 8,3%. Qua đó cho thấy, công tác kiểm tra tại bàn càng được chú trọng thì càng tránh được hiện tượng kê khai sai hoặc kê khai thiếu số thu về thuế cho NSNN.

Trong 03 năm, kết quả kiểm tra tại bàn cho thấy, số lượng hồ sơ phải điều chỉnh có xu thế giảm. Điều này cho thấy công tác kiểm tra tại bàn đã được Văn phòng Cục thuế Ninh Bình quan tâm, từ đó DN có ý thức hơn trong việc kê khai thuế, đồng thời CQT cũng tăng cường công tác hỗ trợ NNT để giúp NNT kê khai tốt hơn.

Có thể nói rằng, công tác kiểm tra thuế tại bàn đã thực sự thể hiện được vai trò tránh làm thất thoát nguồn thu và bảo vệ lợi ích cho NNT. Cơ quan thuế thu đúng, thu đủ số thuế mà NNT phải thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận tại Văn phòng cục thuế tỉnh Ninh Bình vẫn còn tồn tại những hạn chế trong hoạt động kiểm tra căn cứ tính thuế và xác định số thuế phải nộp như sau:

- Về chất lượng kiểm tra, mặc dù cán bộ thuế đã có nhiều cố gắng, song vẫn tồn tại một số sai sót của NNT trong xác định căn cứ tính thuế chưa được phát hiện; nghiệp vụ của công chức kiểm tra hồ sơ khai thuế còn nhiều hạn chế, tiến độ kiểm tra còn chậm.

- Chưa dứt khoát trong việc lập biên bản sau giải trình của NNT.

*** Nguyên nhân của hạn chế:**

Các hạn chế nói trên xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do cơ quan thuế chưa có đủ nguồn nhân lực để quản lý ĐTNT vào nề nếp; mặt khác do các DN trên địa bàn hoạt động ở phạm vi rộng, nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, ý thức trong việc kê khai thuế và chấp hành chính sách pháp luật thuế một số doanh nghiệp chưa cao. Mặt khác, do tính toán về kinh tế, nên doanh nghiệp chỉ thuê kế toán có trình độ chuyên môn không cao; dẫn đến thực hiện sai chế độ chính sách về kế toán cũng như chính sách thuế.

- Công tác kiểm tra tại bàn nói riêng và công tác quản lý thuế nói chung chưa áp dụng đồng bộ công nghệ thông tin hiện đại, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Kết cấu hạ tầng thông tin của ngành còn hạn chế, cán bộ làm công tác kiểm tra thuế trình độ tin học còn nhiều hạn chế.

- Chưa khai thác được dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra tại bàn do các phần mềm còn phát sinh nhiều lỗi, chưa cập nhật hết số liệu của các hồ sơ khai thuế. Cơ sở dữ liệu còn chắp vá không đồng bộ.

- Do NNT tự khai, tự nộp, nên trong hồ sơ khai thuế có rất nhiều sai sót, sai sót cả về thiếu hồ sơ khai thuế, căn cứ tính thuế không đúng quy định. Vì thế, rất nhiều trường hợp phải yêu cầu NNT giải trình. Ví dụ, như ban hành thông báo giải trình lần 1, 2 nhưng do hầu hết ĐTNT là DN vừa và nhỏ, nên ý thức chấp hành chính sách pháp luật còn hạn chế hoặc khi nhận được thông báo yêu cầu giải trình, NNT thường có văn bản đề nghị hoãn thời gian giải trình. Bởi vậy, công tác kiểm tra tại bàn còn gặp rất nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao.

2.2.2. Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế

2.2.2.1. Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT

a) Kết quả đạt được:

Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình luôn chú trọng quan tâm thực hiện theo đúng quy trình. Việc đánh giá phân tích thông tin doanh nghiệp mang tính chuyên sâu đã nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế. Việc phân tích, đánh giá, lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế để lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT được tiến hành dựa vào việc theo dõi quá trình kê khai, nộp thuế của NNT, từ thời điểm lập kế hoạch trở về trước.

Kế hoạch kiểm tra năm 2017 đã được Cục Thuế Ninh Bình đã xây dựng từ tháng 12 năm 2016. Từ đầu tháng cho đến ngày 20/12/2016, bộ phận kiểm tra thuế giải trình thủ trưởng cơ quan danh sách 80 NNT phải kiểm tra thuế do nhận thấy có dấu hiệu vi phạm về thuế : có những doanh nghiệp chưa kiểm tra hay nợ đọng kéo dài thường xuyên rồi thuế GTGT âm liên tục hoặc thường xuyên nộp hồ sơ chậm nên cần được kiểm tra tại trụ sở NNT theo quy trình. Chậm nhất là ngày 30 tháng 12 hàng năm, Thủ trưởng cơ quan Thuế phải duyệt xong danh sách NNT phải kiểm tra thuế của từng bộ phận kiểm tra thuế.

Căn cứ vào danh sách số lượng NNT phải kiểm tra tại trụ sở NNT đã được Thủ trưởng cơ quan Thuế duyệt, trưởng phòng kiểm tra thuế giao cụ thể số lượng NNT phải kiểm tra thuế cho từng trưởng đoàn kiểm tra thuế. Trưởng đoàn kiểm tra thuế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác của mình và kiểm tra tất cả các đối tượng nộp thuế nằm trong diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

b) Hạn chế:

Mặc dù công tác lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình đã được thực hiện khá tốt, song việc triển khai kế hoạch vẫn gặp rất nhiều khó khăn, do còn nhiều công việc đột xuất do cục trưởng giao cho hai phòng kiểm tra hoặc công việc của phòng phát sinh ngoài dự kiến. Ngoài ra, còn có những hạn chế như là: Cơ sở dữ liệu về NNT chưa đầy đủ, không đáp ứng được yêu cầu để áp dụng kỹ thuật xây dựng kế hoạch kiểm tra trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật... theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Kết quả phân tích mới chỉ đáp ứng được các bước đánh giá cơ bản, chưa có độ chi tiết cao và thiếu tính thuyết phục. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra còn mang tính hình thức, chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm của cán bộ đảm nhiệm công tác xây dựng kế hoạch.

c) Nguyên nhân của hạn chế:

- Chưa thường xuyên tiến hành thông kê, tập hợp các trường hợp vi phạm của DN để tọa đàm, phổ biến cho các cán bộ kiểm tra thuế nắm bắt kịp thời làm cơ sở để việc xây dựng kế hoạch kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, sát với đối tượng cần tiến hành kiểm tra.

- Chưa nghiên cứu việc lập kế hoạch kiểm tra thuế tập trung vào nhóm các DN trọng điểm có số thu lớn, các ngành hàng, lĩnh vực, loại hình tổ chức có dấu hiệu thất thu lớn.

- Việc lập kế hoạch kiểm tra chưa dựa trên việc phân tích tình hình thực hiện kế hoạch kiểm tra giai đoạn trước, nên chưa khắc phục những bất hợp lý trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra của kỳ trước.

2.2.2.2. Tình hình tổ chức thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Quy trình kiểm tra thuế tại trụ sở NNT được thực hiện theo quy trình ban hành kèm theo QĐ/746-TCT ngày 20/04/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Quy trình kiểm tra thuế đã chuẩn hoá, quy định đầy đủ, chi tiết và cụ thể trình tự và các bước công việc đã giúp cho công tác kiểm tra tại trụ sở NNT được tiến hành theo một trình tự khoa học và hiệu quả.

Công tác kiểm tra thuế thực hiện phù hợp theo cơ chế tự khai tự nộp của Luật Quản lý thuế có nhiều thay đổi so với trước đây. Hoạt động kiểm tra thuế tại trụ sở NNT trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin, lựa chọn các đơn vị có dấu hiệu gian lận thuế để tiến hành kiểm tra, vừa không gây phiền hà cho các DN không có vi phạm, vừa tránh lãng phí nguồn lực của cơ quan thuế.

Thời gian tiến hành một cuộc kiểm tra tại đơn vị cũng đã được rút ngắn bởi công tác kiểm tra đã tiến hành bước phân tích sâu hồ sơ DN tại cơ quan thuế (kiểm tra tại bàn). Khi tiến hành kiểm tra chỉ tập trung vào các dấu hiệu nghi vấn, tránh tình trạng kiểm tra dàn trải, gây mất thời gian cho đối tượng kiểm tra. Đồng thời, việc áp dụng các công cụ hỗ trợ như công cụ tra cứu hoá đơn của các DN bỏ trốn, các phần mềm phân tích tài chính DN, các chương trình Excel tính toán số liệu đã rút ngắn thời gian, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra tại trụ sở NNT.

a) Kết quả đạt được:

Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT được thể hiện qua biểu dưới đây:

Bảng 2.4: Tổng hợp kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT từ 2015-2017

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
		Số lượng	% so với năm 2015	Số lượng	% so với năm 2016
Số DN kiểm tra theo KH	79	81	102,5%	80	98,8%
Số DN đã kiểm tra	79	81	102,5%	80	98,8%
Tỷ lệ % so với kế hoạch	100	100	100	100	
Số thuế truy thu (triệu đồng)	4243,3	1865,2	43,9%	1447,3	77,6%
Số tiền phạt (triệu đồng)	1507,4	936,5	62,1%	567,3	60,6%

[Nguồn: Cục thuế tỉnh Ninh Bình]

Bảng số liệu trên cho thấy, công tác kiểm tra tại trụ sở NNT đã được Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình quan tâm triển khai thực hiện. Trong 3 năm, 2015-2017, Văn phòng Cục thuế Ninh Bình đã kiểm tra được 240 DN, qua kiểm tra CQT đã phát hiện những sai phạm và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật, truy thu và xử phạt với tổng số tiền là: 10.567 triệu đồng

Năm 2015, Văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT là 79 đơn vị. Hai phòng kiểm tra thuế số 1 và phòng kiểm tra thuế số 2 đã thực hiện kiểm tra tại toàn bộ 79 đơn vị theo kế hoạch. Hoàn thành 100% chỉ tiêu đề ra. Kết quả đạt được trong năm 2015: truy thu vào NSNN là 4243,3 triệu đồng; phạt là 1507,4 triệu đồng. Đến năm 2016 Văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT là 81 đơn vị. Hai phòng kiểm tra thuế số 1 và phòng kiểm tra thuế số 2 đã thực hiện kiểm tra tại toàn bộ 81 đơn vị theo kế hoạch. Hoàn thành 100% chỉ tiêu đề ra. Kết quả đạt được trong năm 2016: truy thu vào NSNN là 1865,2 triệu đồng; phạt là 936,6 triệu đồng. Như vậy thông

qua bảng số liệu trên ta thấy số tiền phạt năm 2016 đã giảm 62,1% so với năm 2015, số tiền truy thu cũng giảm 43,9% so với năm 2015. Đến năm 2017, Văn phòng Cục Thuế tỉnh Ninh Bình xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT là 80 đơn vị. Hai phòng kiểm tra thuế số 1 và phòng kiểm tra thuế số 2 đã thực hiện kiểm tra tại toàn bộ 80 đơn vị theo kế hoạch. Hoàn thành 100% chỉ tiêu đề ra. Kết quả đạt được trong năm 2017: truy thu vào NSNN là 1447,4 triệu đồng; phạt là 567,3 triệu đồng. Xu hướng số thuế truy thu và số tiền phạt giảm dần qua 3 năm, nhìn trên bảng số liệu ta thấy được số tiền truy thu năm 2017 đã giảm 77,6% so với năm 2016 và số tiền phạt cũng giảm 60,6% so với năm trước. Nguyên nhân là do trong thời gian qua tại Văn phòng Cục thuế Ninh Bình đã thực hiện việc hướng dẫn và đôn đốc sát sao các đối tượng nộp thuế. Thông qua đó làm tăng tính tuân thủ và chấp hành pháp luật về thuế của các DN trên địa bàn Văn phòng Cục quản lý. Nhờ đó số vụ trốn thuế lậu thuế giảm đi rõ rệt. Thể hiện rõ ràng thông qua số thuế truy thu và số tiền phạt giảm đi đáng kể.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra thuế tại các trụ sở NNT những hành vi vi phạm chủ yếu được phát hiện là: Tính chi phí vượt quá theo quy định, kê khai lỗ nhiều năm không thực hiện chuyển lỗ, khai sai thuế suất, bán hàng không xuất hóa đơn (đối với hàng bán lẻ của hoạt động thương mại) hàng tồn kho nhiều..., đối với hoạt động xây dựng có DN bị lỗ nhưng vẫn treo chi phí để phát sinh thu nhập nhằm mục đích hoàn thiện hồ sơ đi đấu thầu công trình, còn có doanh nghiệp mở sổ kế toán không đầy đủ, không đúng mẫu, đặc biệt là sổ chi tiết; lập chứng từ kế toán không đầy đủ nội dung, ký chứng từ không đúng thẩm quyền, việc ghi chép sổ sách không rõ ràng, hạch toán không đúng nghiệp vụ nội dung kinh tế phát sinh. Kiểm kê tài sản định kỳ các doanh nghiệp thực hiện chưa tốt dẫn đến cân đối tiền hàng xác định doanh thu trong kỳ chưa chính xác, việc thực hiện chuẩn mực kế toán, vận dụng các tài khoản kế toán còn nhiều sai sót. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài còn chưa hiểu sâu về pháp luật về kế toán Việt Nam còn nhiều bất cập. Từ đó dẫn đến nhiều vi phạm trong việc kê khai, tính, trích và nộp thuế; Cụ thể như:

Vi phạm về thuế GTGT:

**** Về thuế GTGT đầu ra:***

- Kê khai thiếu thuế GTGT đầu ra nhất là đối với đơn vị xây dựng cơ bản – do hiểu sai thời điểm, căn cứ xác định doanh thu dẫn đến vi phạm về kê khai thuế GTGT đầu ra: Công trình đã hoàn thành đã có quyết toán công trình hoặc quyết toán giai đoạn, đã nghiệm thu nhưng chưa thu được tiền của bên A nên chưa kê khai thuế;

- Chưa kê khai thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa biếu tặng...

- Xác định sai thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ.

**** Về thuế GTGT đầu vào:***

- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ không liên quan đến hoạt động SXKD;

- Kê khai khấu trừ thuế của những hóa đơn bất hợp pháp;

- Kê khai sai, kê khai trùng hóa đơn đầu vào;

- Kê khai khấu trừ thuế của hóa đơn có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên không thực hiện thanh toán qua ngân hàng.

Vi phạm về thuế TNDN:

**** Về doanh thu tính thuế TNDN:***

- Xác định doanh thu sai niên độ kế toán dẫn đến thu nhập chịu thuế không chính xác;

- Chưa hạch toán vào thu nhập các khoản được bồi thường;

**** Về chi phí:***

- Trích các khoản dự phòng không đúng quy định;

- Kết chuyển chi phí vào giá vốn không tương ứng với thực tế phát sinh;

- Hạch toán lãi vay vào chi phí SXKD chưa đúng quy định;

- Chi thưởng các ngày lễ, tết cho người lao động không đúng quy định;

- Chi mua sắm tài sản cố định đưa một lần vào chi phí;

- Chi phí sản xuất vượt định mức kinh tế-kỹ thuật của nhà nước là hiện tượng khá phổ biến hiện nay.

** Về miễn giảm thuế TNDN:*

- Kê khai miễn, giảm thuế không đúng thuế suất và thời gian quy định;
- Không hạch toán riêng thu nhập của hoạt động SXKD được ưu đãi miễn, giảm thuế;
- Tính ưu đãi thuế với cả các khoản thu nhập khác;

Vi phạm về thuế TNCN:

- Khai, khấu trừ và nộp thuế TNCN chưa thực sự đi vào nề nếp, nhất là đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.
- Kê khai chưa đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế của một số cá nhân trong doanh nghiệp;
- Áp dụng phương pháp tính thuế chưa phù hợp với từng nhóm cá nhân chịu thuế ;
- Hồ sơ giảm trừ gia cảnh chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục;

Vi phạm về thuế nhà thầu:

- Các doanh nghiệp được thành lập từ dự án thì thường kê khai thuế nhà thầu nước ngoài không đầy đủ, không kịp thời.
- Chưa kê khai thuế đối với các dịch vụ liên quan như chi phí vận chuyển, lắp đặt;
- Áp dụng sai thuế suất, tỷ lệ tính thuế...
- Kê khai thiếu doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng nhà thầu phải nộp;

Vi phạm về các loại thuế khác:

- Một số sắc thuế, khoản thu: như thuế Tài nguyên, phí khai thác tài nguyên khoáng sản, lệ phí trước bạ chưa được quan tâm đúng mức không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ kịp thời.
- Xác định giá tính thuế tài nguyên chưa chính xác;
- Còn khai thiếu sản lượng tài nguyên khai thác trong kỳ tính thuế;
- Một số doanh nghiệp xây lắp, san lấp chưa kê khai thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường...

Kiểm tra hóa đơn kết hợp với kiểm tra thuế:

Trong biên bản thanh tra, kiểm tra thuế đã có mục đánh giá việc quản lý, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm, ngăn chặn được những vi phạm có thể xảy ra, từ đó ý thức tự giác của người nộp thuế về hóa đơn đã có những chuyển biến tích cực. Tình trạng doanh nghiệp bán hàng không xuất hóa đơn đã giảm mạnh, từ đó việc kê khai doanh thu sát với thực tế sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh đó biện pháp phối hợp xác minh hóa đơn hiệu quả chưa cao, tỷ lệ hóa đơn được xác minh còn thấp, việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp phát hiện chưa kịp thời.

Ví dụ sau đây sẽ cho ta thấy rõ được công tác kiểm tra tại cục thuế tỉnh Ninh Bình:

Ví dụ 2.3: Kiểm tra tại Công ty TNHH cán thép Tam Điệp (Kiểm tra quyết toán thuế theo kế hoạch) [phụ lục 2, tr99]

Có thể thấy công tác kiểm tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Ninh Bình thời gian qua đã đạt được những kết quả như sau:

Thứ nhất, kiểm tra thuế góp phần chống thất thu NSNN: Trong năm 2017 qua kiểm tra, cán bộ kiểm tra của Cục Thuế đã phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật thuế của NNT, kịp thời đề xuất Thủ trưởng cơ quan thuế xử lý truy thu, xử phạt tổng số tiền là 2014,6 triệu đồng, qua đó góp phần chống thất thu NSNN.

Thứ hai, nâng cao tính tuân thủ trong việc chấp hành chính sách pháp luật của NNT: Thông qua kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm, cơ quan thuế thực hiện xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm của NNT. Nhờ đó, giúp cho DN hiểu biết hơn về chính sách thuế, việc kê khai nộp thuế kịp thời, đúng quy định, ý thức chấp hành pháp luật về thuế của NNT được nâng cao.

Thứ ba, thông qua kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ nộp thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các DN thuộc các thành phần kinh tế.

Thứ tư, rắn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế: Thông qua kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế góp phần rắn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế của NNT.

Thứ năm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tinh thần trách nhiệm của cán bộ được nâng cao: Nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác hiện đại hóa ngành Thuế, đòi hỏi cán bộ thuế nói chung và cán bộ kiểm tra thuế nói riêng phải không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững chính sách pháp luật thuế, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng xử lý tình huống... Chủ động đề xuất các giải pháp xử lý tình huống khó, nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra.

b) Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra tại trụ sở NNT còn những hạn chế nhất định. Đó là:

- Tổng số cuộc kiểm tra trong 3 năm mới thực hiện được 240 DN, như vậy số DN được kiểm tra bình quân một năm là 80 DN, so với tổng số DN đang hoạt động do Văn phòng Cục thuế quản lý là 1.251 DN chiếm tỷ lệ 6.4% DN . Tỷ lệ như vậy là thấp so với yêu cầu nhiệm vụ và chỉ đạo của Tổng cục Thuế (theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế chỉ tiêu kiểm tra tại DN là 20%).

- Số thuế truy thu và phạt qua kiểm tra tính bình quân trong 3 năm là 44,03 triệu đồng/DN. Kết quả xử lý chưa cao so với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và tình trạng kê khai, gian lận thuế của các doanh nghiệp hiện nay.

- Trong 3 năm, qua công tác kiểm tra tại trụ sở NNT, Văn phòng Cục Thuế Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với NNT chủ yếu là hành vi khai sai, hành vi vi phạm thủ tục về thuế, phạt nộp chậm tiền thuế mà chưa xử lý về hành vi trốn thuế. Điều này cho thấy thực tế hành vi vi phạm của NNT, nhưng mặt khác nó cho thấy công tác kiểm tra còn chưa đi sâu kiểm tra phát hiện các hành vi trốn thuế, gian lận thuế. Số tiền phạt bình quân 44,03 triệu đồng/DN tuy không thấp nhưng chưa phản ánh rõ ràng kết quả kiểm tra tại từng doanh nghiệp

vì có những doanh nghiệp quy mô lớn số thuế truy thu lớn, kết quả xử lý chưa có tính răn đe mạnh mẽ đối với các hành vi vi phạm của DN.

Qua kiểm tra tại CQT đã phát hiện được nhiều trường hợp sai phạm của NNT. Tuy nhiên, với nhiều trường hợp CQT chỉ áp dụng hình thức nhắc nhở là chủ yếu. Điều đó cho thấy một thực trạng là CQT chưa thực sự nghiêm khắc trong xử lý sai phạm.

c) Nguyên nhân của hạn chế:

- Tổ chức bộ máy kiểm tra chưa tương xứng với khối lượng công việc và vai trò kiểm tra thuế: lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra năm 2017 mới chiếm khoảng 15% trong tổng số cán bộ, công chức văn phòng Cục thuế (*Tổng số cán bộ văn phòng cục thuế là 150 cán bộ trong khi đó hai phòng kiểm tra chỉ có 23 cán bộ*). Trong khi đó, theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế, tỷ lệ cán bộ công chức làm công tác kiểm tra ít nhất phải chiếm 30% tổng số cán bộ của đơn vị.

- Năng lực chuyên môn và tính liêm chính của một bộ phận cán bộ kiểm tra thuế còn thấp nên việc phân tích báo cáo tài chính tại một số DN chưa sâu, chưa phát hiện được bất hợp lý giữa số liệu trên các báo cáo của đơn vị. Cán bộ vẫn còn yếu về kỹ năng kiểm tra và khả năng sử dụng các thiết bị tin học.

- Sự thiếu kịp thời trong xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật về thuế cũng gây ra một tác động xấu đến tính tuân thủ của NNT. Một sai phạm mà không được chỉnh đốn ngay thì NNT có khi không nhận thức được sai sót, dẫn tới vi phạm nhiều lần.

- Sau khi ban hành Quyết định xử lý vi phạm, CQT chưa thường xuyên theo dõi, đôn đốc NNT thực hiện nghiêm các quyết định xử lý sau kiểm tra. Chưa phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan để tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.

- Chưa ứng dụng có hiệu quả kỹ thuật quản lý rủi ro vào quá trình kiểm tra thuế tại DN. Việc sử dụng các kỹ năng phân tích để đánh giá rủi ro, phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính và phân tích theo các tỷ suất trong quá trình

kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế và trụ sở NNT còn chưa được thực hiện đúng, một phần do hạn chế từ phía trình độ của cán bộ kiểm tra thuế làm ảnh hưởng tới chất lượng các cuộc kiểm tra và lãng phí nguồn nhân lực.

- Công tác phối hợp giữa các bộ phận chức năng chưa tốt: Chưa có sự phối hợp tốt trong việc giám sát tình hình kê khai của DN giữa các bộ phận kê khai kế toán thuế và kiểm tra thuế của Chi cục.

- Công tác phối hợp của CQT với các cơ quan quản lý nhà nước khác và các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa tốt nên chưa tạo ra những điều kiện tốt nhất cho công tác kiểm tra thuế.

2.3. Đánh giá chung về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình

2.3.1. Những kết quả đạt được

Từ những thực trạng trên, ta thấy Cục thuế Ninh Bình đã chỉ đạo phân tích, lựa chọn các doanh nghiệp có độ rủi ro cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra thuế. Tập trung rà soát hồ sơ khai thuế, thu thập và phân tích số liệu đánh giá mức độ rủi ro của các doanh nghiệp trên hồ sơ khai thuế và từ các nguồn thông tin khác phục vụ cho công tác kiểm tra thuế đảm bảo được tiến độ, hiệu quả; thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và theo các chuyên đề kiểm tra. Giai đoạn 2015 – 2017 tiến hành kiểm tra tại trụ sở của 240 doanh nghiệp và hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao.

Có thể thấy công tác kiểm tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Ninh Bình thời gian qua đã đạt được những kết quả như sau:

Thứ nhất, kiểm tra thuế góp phần chống thất thu NSNN: Qua kiểm tra, cán bộ kiểm tra của Cục Thuế đã phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật thuế của NNT, đề xuất xử lý truy thu, xử phạt tổng số tiền là 10.567 triệu đồng.

Thứ hai, nâng cao tính tuân thủ trong việc chấp hành chính sách pháp luật của NNT. Nhiều doanh nghiệp sau các cuộc kiểm tra đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế; được Cục thuế và Tổng cục Thuế khen thưởng.

Thứ ba, thông qua kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ nộp thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các DN thuộc các thành phần kinh tế.

Thứ tư, răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế: Thông qua kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế của NNT.

Thứ năm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tinh thần trách nhiệm của cán bộ được nâng cao: Nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác hiện đại hóa ngành Thuế, đòi hỏi cán bộ thuế nói chung và cán bộ kiểm tra thuế nói riêng phải không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững chính sách pháp luật thuế, nội dung qui trình, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng xử lý tình huống... Chủ động đề xuất các giải pháp xử lý tình huống khó, nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được như trên, công tác kiểm tra thuế ở Cục Thuế tỉnh Ninh Bình còn có những hạn chế.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Nhìn vào thực trạng công tác kiểm tra thuế năm 2015 và năm 2017, mặc dù toàn hệ thống đã có cố gắng nhưng chưa theo kịp yêu cầu phát triển của nền kinh tế: Hội nhập kinh tế thế giới nhiều doanh nghiệp có vốn ĐTNN, nhiều lĩnh vực kinh tế mới, các cấp, các ngành, hỗ trợ thông tin trao đổi nghiệp vụ vẫn chưa chặt chẽ. Hệ thống kiểm tra thuế còn nhiều hạn chế cần khắc phục những hạn chế, hoàn thiện, nâng cao năng lực hoạt động của các đoàn kiểm tra thì mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

+ *Về số lượng cuộc kiểm tra*: Số lượng các đơn vị kiểm tra hàng năm còn thấp, số lượng hồ sơ khai thuế được kiểm tra căn cứ tính thuế, số thuế phải nộp chưa đạt được kế hoạch đặt ra. Yêu cầu đặt ra là cán bộ thuế phải kiểm tra hồ sơ

khai thuế của 100% đơn vị thuộc phạm vi quản lý, nhưng thực tế mới chỉ kiểm tra được khoảng 20% hồ sơ khai thuế của NNT.

+ *Số tiền thuế truy thu, xử phạt chưa tương xứng với mức độ vi phạm*: Số tiền thuế truy thu, xử phạt qua kiểm tra có tăng qua các năm, tuy nhiên, số thuế truy thu và phạt tính trung bình cho 01 cuộc kiểm tra chỉ bằng 43 triệu đồng là còn thấp. Điều này chưa phản ánh đúng với thực trạng khai sai, gian lận thuế của các DN trên địa bàn hiện nay.

+ *Về thủ tục hồ sơ chưa hoàn toàn tuân thủ đúng quy định*: Bản phân tích thông tin người nộp thuế rất sơ sài chưa nói lên được trọng tâm kiểm tra thuế cần phải đi sâu vào nội dung gì; việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn kiểm tra là chưa rõ ràng cụ thể. Chưa có biên bản xác nhận số liệu kiểm tra của từng thành viên của đoàn với NNT.

+ *Các văn bản lập trong kiểm tra thuế chưa chuẩn xác và chặt chẽ*: Câu từ trong biên bản kiểm tra thuế thiếu chặt chẽ, không mạch lạc làm cho người đọc khó hiểu. Số liệu trong biên bản kiểm tra còn có những biên bản không chính xác. Có quyết định xử phạt vi phạm hành chính căn cứ chưa xác đáng đúng với các điều, khoản trong qui định trong pháp luật thuế.

+ *Chất lượng công tác kiểm tra tại CQT chưa cao*: trong 3 năm (2015-2017) đã yêu cầu điều chỉnh lại tới 61 hồ sơ khai thuế.

+ *Mức độ phát hiện gian lận thuế qua công tác kiểm tra tại trụ sở DN còn chưa cao*: trong 3 năm, tỷ lệ DN kiểm tra tại trụ sở tuy có tăng qua các năm, nhưng còn thấp so với số DN quản lý.

+ *Thời gian tiến hành một số cuộc kiểm tra còn kéo dài*: nhiều cuộc kiểm tra còn kéo dài, chậm được kết luận. Đôi khi những vi phạm của NNT chưa được xử lý kịp thời, chưa dứt khoát thống nhất nội dung biên bản sau kiểm tra, đã vô tình tạo điều kiện cho một số NNT không có ý thức tự giác thực hiện nghĩa vụ của mình, trông chờ ỷ lại vào sự nhắc nhở đốc thúc của cán bộ thuế.

+ *Về thực hiện chế độ báo cáo*: Lãnh đạo các phòng, chưa quan tâm đúng mức đến công tác báo cáo thống kê.

+ Công tác đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra chưa tốt: kết quả đôn đốc nộp số thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra còn chưa cao, trong 03 năm mới chỉ đôn đốc DN nộp được khoảng trên 80% số thuế truy thu và phạt vào ngân sách nhà nước.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

- Tổ chức bộ máy kiểm tra chưa tương xứng với khối lượng công việc và vai trò kiểm tra thuế: lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra năm 2017 mới chiếm khoảng 15% trong tổng số cán bộ, công chức văn phòng Cục thuế. Trong khi đó, theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế, tỷ lệ cán bộ công chức làm công tác kiểm tra ít nhất phải chiếm 30% tổng số cán bộ của đơn vị.

- Năng lực chuyên môn và tính liêm chính của một bộ phận cán bộ kiểm tra thuế còn thấp nên việc phân tích báo cáo tài chính tại một số DN chưa sâu, chưa phát hiện được bất hợp lý giữa số liệu trên các báo cáo của đơn vị. Cán bộ vẫn còn yếu về kỹ năng kiểm tra, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế dẫn tới khó khăn khi làm việc với các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Các hành vi vụ lợi cá nhân, lợi dụng kiểm tra để gây phiền hà, sách nhiễu cho NNT vẫn chưa được phát hiện kịp thời và xử lý triệt để.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT chưa hoàn thiện: hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT phục vụ công tác kiểm tra còn chưa hoàn thiện. Dữ liệu thiếu và không kịp thời, các thông tin khác về tình hình kinh doanh và lịch sử DN chưa đầy đủ; chậm thay đổi thông tin NNT...

- Việc ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào công tác lập kế hoạch kiểm tra cũng như trong công tác kiểm tra thuế chưa thực sự hiệu quả. Công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế mặc dù có ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nhưng phần lớn vẫn còn cảm tính và dựa trên kinh nghiệm của người làm kế hoạch. Trước khi tiến hành kiểm tra thuế tại một số các cơ sở kinh doanh, chưa dựa trên kỹ thuật phân tích rủi ro để giảm thiểu khối lượng công việc khi kiểm tra nên giảm hiệu quả và lãng phí nguồn nhân lực.

- *Công tác phối hợp giữa các bộ phận nội tại cơ quan thuế chưa tốt:* Chưa có sự phối hợp tốt trong việc giám sát tình hình kê khai của DN giữa các bộ phận kê khai - kế toán thuế và kiểm tra thuế. Phòng Kê khai và kế toán thuế chưa thường xuyên tham mưu để Lãnh đạo Cục Thuế chỉ đạo công tác phối hợp này nhằm đảm bảo DN nộp đủ hồ sơ khai thuế. Bộ phận kiểm tra chưa thường xuyên phối hợp tốt với bộ phận kê khai nên tình hình giám sát việc kê khai nói chung tại các đơn vị chưa đạt yêu cầu đề ra.

- *Công tác phối hợp* của cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước khác và các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa tốt nên chưa tạo ra những điều kiện tốt nhất cho công tác kiểm tra thuế.

b) Nguyên nhân khách quan

- *Quyền hạn của cơ quan thuế chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.* Cơ quan thuế chưa được giao chức năng điều tra các vụ án vi phạm pháp luật về thuế. Chức năng này thuộc về cơ quan công an. Tuy nhiên, lực lượng Công an không có đầy đủ thông tin về NNT, thiếu chuyên môn về quản lý thuế. Vì vậy, công tác điều tra, khởi tố các vụ án trốn thuế chưa được kịp thời, sâu sát. Đây cũng là nguyên nhân chính trong 03 năm qua (2015-2017) Cục Thuế tỉnh Ninh Bình chưa chuyển cho cơ quan Công an điều tra xử lý về thuế một vụ việc nào.

- *Ý thức tuân thủ pháp luật của NNT chưa cao:* một bộ phận không nhỏ NNT có ý thức tuân thủ pháp luật thấp, luôn tìm mọi thủ đoạn để trốn thuế. Mặt khác, cùng với sự tăng trưởng và hội nhập tính phức tạp của các giao dịch kinh tế và các thủ đoạn gian lận thuế ngày càng tinh vi, xảo quyệt.

- *Tiền lương và thu nhập của cán bộ thuế nói chung cũng như cán bộ kiểm tra thuế nói riêng chưa đảm bảo cuộc sống:* trong khi môi trường kiểm tra thuế đầy cám dỗ mà người thực thi nó chưa được đảm bảo cuộc sống từ tiền lương và thu nhập chính đáng của NSNN thì tính liêm chính khó được nâng cao. Vấn đề tiền lương chính là sự bất cập chung của cả hệ thống tiền lương và thu nhập đối với công chức nhà nước mà để giải quyết nó phải có

những giải pháp tổng thể, không thể chỉ giải quyết chính sách tiền lương và thu nhập đối với công chức thuế.

Kết luận chương 2:

Trong chương 2, luận văn đã đề cập đến những đặc điểm kinh tế, xã hội của tỉnh Ninh Bình trong tác động đến công tác thuế nói chung và lĩnh vực kiểm tra thuế nói riêng. Luận văn tập chung phân tích, đánh giá thực trạng về tổ chức, bộ máy cục thuế tỉnh Ninh Bình trong kiểm tra thuế và thực trạng kiểm tra thuế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra những kết quả đạt được đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế cần phải khắc phục đồng thời chỉ rõ được nguyên nhân của những hạn chế .

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

3.1. Quan điểm hoàn thiện kiểm tra thuế

3.1.1. Kiểm tra thuế phải đảm bảo việc chấp hành các luật thuế, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước

Kiểm tra thuế là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cơ quan thuế nói riêng và cơ quan nhà nước nói chung. Thực hiện tốt nhiệm vụ này không chỉ đảm bảo sự vận hành thông suốt hệ thống cơ quan nhà nước mà có tác dụng tích cực tới quá trình thu nộp thuế và ngân sách nhà nước. Nó có vai trò quyết định trong việc đảm bảo nguồn thu từ thuế được tập trung chính xác, kịp thời, thường xuyên, ổn định vào NSNN. Thông qua việc lựa chọn các biện pháp quản lý, kiểm tra thuế có hiệu quả, cũng như xây dựng quy trình thủ tục về thuế hợp lý, cơ quan thuế đảm bảo thu thuế đúng luật, đầy đủ và kịp thời vào NSNN.

Thông qua hoạt động này góp phần hoàn thiện chính sách và pháp luật về thuế. Những điểm còn bất cập về thuế cũng như chính sách về thuế còn khiếm khuyết gì chưa phù hợp để kịp thời điều chỉnh cho hợp lý. Qua đây nhà nước cũng thực hiện được kiểm soát và điều tiết các hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, người nộp thuế phải có trách nhiệm kê khai thuế, người nộp thuế phải kê khai các hoạt động kinh tế phát sinh, các giao dịch kinh doanh của người nộp thuế. Như vậy, có thể thấy thông qua hoạt động này nhà nước đã thực hiện kiểm soát các hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Từ việc kiểm soát các hoạt động kinh tế này nhà nước có thể có chính sách quản lý phù hợp để điều tiết hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế theo định hướng của nhà nước.

3.1.2. Kiểm tra thuế phải đảm bảo tính khách quan, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế thuộc đối tượng kiểm tra và cương quyết xử lý vi phạm về thuế của người nộp thuế

Cơ sở của quan điểm này là nguyên tắc lịch sử cụ thể của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Mọi sự vật, hiện tượng đều được tồn tại và phát triển trong một môi trường lịch sử cụ thể với những điều kiện thực tiễn khách quan nhất định. Công tác kiểm tra thuế ở Việt Nam nói chung và ở Cục thuế tỉnh Ninh Bình nói riêng cũng vậy, dù có không ít hạn chế, bất cập, song không thể vội vàng giải quyết ngay, mà phải dựa trên điều kiện thực tế khách quan.

Quan điểm này đòi hỏi, khi đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế, phải cân nhắc những điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, về con người, trình độ phát triển kinh tế – xã hội, về trình độ quản lý của các cơ quan thuế nhà nước khác, về trình độ nhận thức của người nộp thuế... Không thể nóng vội, đặt ra các mục tiêu quá cao không phù hợp với điều kiện thực tế khách quan của cơ quan thuế và của địa phương.

3.1.3. Kiểm tra thuế phải được coi là một trong những biện pháp để quản lý thu thuế do đó cần được tiến hành thường xuyên

Dưới góc độ thực thi pháp luật về thuế, công tác tổ chức thực thi pháp luật thuế phải đảm bảo tính hiệu lực. Dưới góc độ một công cụ quản lý kinh tế của nhà nước, công tác quản lý thuế phải đảm bảo tính hiệu quả, tính hiệu quả xét trên cả giác độ chi phí hành thu và trên giác độ hiệu quả kinh tế xã hội. Một hệ thống quản lý thuế tốt làm một hệ thống quản lý đảm bảo cả tính hiệu lực và hiệu quả. Với tư cách là một chức năng thiết yếu của quản lý thuế, kiểm tra thuế phải được hoàn thiện để hướng đến mục tiêu tối quan trọng này.

Quan điểm này đòi hỏi, việc hoàn thiện công tác kiểm tra thuế không chỉ nhằm khắc phục những hạn chế của riêng nó để nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế, mà còn phải được hoàn thiện theo nguyên tắc hướng đến mục tiêu tính hiệu lực và hiệu quả chung của quản lý thuế. Thông thường việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của kiểm tra thuế cũng dẫn tới việc nâng cao hiệu quả của quản lý thuế.

Tuy vậy, trong một số trường hợp, việc đảm bảo hiệu quả của kiểm tra thuế có thể dẫn đến giảm hiệu quả của quản lý thuế nói chung. Chẳng hạn như, việc kiên quyết xử phạt nặng một doanh nghiệp nào đó vì hành vi trốn thuế phát hiện qua kiểm tra thuế có thể dẫn tới sự phá sản của doanh nghiệp này, mà hệ quả của nó là sự giảm thu thuế trong tương lai và Nhà nước phải đối mặt với việc giải quyết những vấn đề về việc làm và các vấn đề xã hội. Trong trường hợp này, cần ưu tiên mục tiêu hiệu quả chung của quản lý thuế, thay vì mục tiêu đảm bảo hiệu quả truy thu thuế và xử lý vi phạm về thuế.

3.1.4. Công tác kiểm tra thuế phải được tiến hành đơn giản, công khai về thủ tục hành chính, không gây phiền hà cho người nộp thuế

Hình thức kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thường chiếm những khoảng thời gian nhất định của người nộp thuế. Quá trình này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Trong khi đó, một trong những góc độ phản ánh hiệu quả quản lý thuế là tính hiệu quả về kinh tế – xã hội. Nghĩa là, hiệu quả quản lý thuế phải đảm bảo sự phân bổ nguồn lực tối ưu, phải tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, cần hoàn thiện công tác kiểm tra thuế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế.

Quan điểm này đòi hỏi phải đơn giản hóa các hồ sơ, thủ tục trong quản lý kê khai thuế và kiểm tra thuế; phải tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra tại cơ quan thuế; giảm thời gian kiểm tra tại cơ sở kinh doanh. Quá trình kiểm tra tại cơ sở kinh doanh không những ngăn nhất có thể mà còn phải không gây phiền nhiễu cho doanh nghiệp, song vẫn phải đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm tra thuế.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Ninh Bình

3.2.1. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ và nguồn nhân lực.

3.2.1.1. Tăng cường lực lượng cho bộ phận kiểm tra thuế

Trước hết, cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại lực lượng cán bộ kiểm tra nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra khi thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Cần chuẩn hóa tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ của cán bộ làm công tác kiểm tra thuế: Trình độ chuyên môn tối thiểu phải đại học trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, kế toán – kiểm toán, có thâm niên công tác trong ngành Thuế và các ngành kinh tế khác ít nhất từ 2-3 năm trở lên; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc...

Thứ hai, cần bổ sung lực lượng cán bộ cho các phòng kiểm tra thuế để số lượng cán bộ làm công tác kiểm tra đạt từ 30% tổng số cán bộ công chức trở lên đảm bảo đủ lực lượng hoàn thành khối lượng công việc tương đối lớn hiện nay. Quan tâm tạo điều kiện, bổ sung lực lượng cán bộ trẻ, có năng lực cho các phòng kiểm tra. Việc bổ sung lực lượng cho bộ phận kiểm tra nên điều chuyển từ các bộ phận khác sang, số cán bộ mới tuyển dụng không nên bố trí ngay vào bộ phận kiểm tra vì bộ phận kiểm tra là bộ phận đòi hỏi chuyên môn rất cao và bản lĩnh nghề nghiệp, cần cán bộ không những được đào tạo bài bản mà phải kinh qua công tác thực tế.

3.2.1.2. Nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ kiểm tra thuế

Trong mọi lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội, con người luôn là yếu tố có tính quan trọng nhất, là yếu tố quyết định mọi sự thành bại của hoạt động quản lý. Trong kiểm tra thuế, yếu tố con người càng trở nên quan trọng do đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp như đã chỉ ra trong chương 1 của luận văn. Trong khi đó, như đã chỉ ra trong chương 2 của luận văn, một bộ phận cán bộ làm công tác kiểm tra thuế ở Cục thuế Ninh Bình còn non về chuyên môn nghiệp vụ và một số ít còn chưa đáp ứng về đạo đức nghề nghiệp. Bởi vậy,

nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra là yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài ở Cục thuế Ninh Bình.

Để nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra thuế đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành Thuế, cần không ngừng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn và phẩm chất đạo đức, tác phong nghề nghiệp của cán bộ kiểm tra. Đối với cán bộ lãnh đạo bộ phận kiểm tra thì phải bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, chỉ đạo tác nghiệp cụ thể.

Công tác phát triển nguồn nhân lực trong ngành Thuế tỉnh Ninh Bình nói chung và tại các phòng kiểm tra của Cục thuế tỉnh Ninh Bình trong những năm gần đây đã luôn được coi trọng, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế. Trong thời gian tới, công tác này cần được đẩy mạnh hơn nữa thông qua một số giải pháp cụ thể sau:

- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chuyên môn cán bộ cho từng loại cán bộ thực hiện từng chức năng quản lý thuế, bảo đảm tính chuyên nghiệp để có căn cứ đánh giá, phân loại và bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cán bộ cũng như của các phòng kiểm tra trên Văn phòng Cục Thuế. Thông qua tiêu chí này để đánh giá hiệu quả và chất lượng công việc của cán bộ, qua đó thúc đẩy và tạo động lực cho cán bộ phấn đấu trong công việc. Bên cạnh đó, cần có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có sáng kiến, sáng tạo trong công việc.

- Tăng cường công tác đào tạo cán bộ kiểm tra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tính tuân thủ pháp luật của cán bộ thuế, từ cơ bản đến chuyên sâu, đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn đối với lực lượng cán bộ làm công tác kiểm tra tại tất cả các phòng trong Cục bổ nhiệm, bổ sung vào đội ngũ lãnh đạo và cán bộ làm công tác kiểm tra kịp thời khi có yêu cầu.

- Tăng cường công tác lãnh chỉ đạo của Lãnh đạo Cục đối với việc thực thi chức trách nhiệm vụ của cán bộ khi thi hành kiểm tra tại doanh nghiệp.

Thường xuyên chấn chỉnh về lễ lối, tác phong, thái độ của cán bộ thuế khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra để ngăn chặn tiêu cực có thể xảy ra, nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong từng cán bộ kiểm tra.

3.2.1.3. Làm tốt công tác luân phiên công việc và chuyển đổi vị trí công tác

Cán bộ kiểm tra thuế làm việc trong môi trường cám dỗ về vật chất. Xu hướng chung của những người nộp thuế có ý đồ gian lận hoặc có thực hiện hành vi gian lận là lôi kéo cán bộ kiểm tra thuế về cùng phía với mình, thông đồng để người nộp thuế gian lận, trốn thuế. Đặc biệt, đặc điểm tâm lý chung của người Việt Nam thường trọng tình hơn trọng lý nên khi công tác lâu ở một vị trí sẽ có các mối quan hệ quen biết trong xã hội dẫn đến dễ làm sai quy định của pháp luật. Một trong những cách giúp cán bộ kiểm tra vượt qua “bẫy” này là làm tốt công tác chuyển đổi vị trí công tác và luân phiên công việc. Theo đó, Cục thuế Ninh Bình nên thực hiện nghiêm túc quy định về chuyển đổi vị trí công tác, luân phiên công việc. Không để một cán bộ làm công tác kiểm tra ở một nhóm doanh nghiệp quá lâu. Tất nhiên, việc luân phiên công việc và chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo phù hợp với năng lực của cán bộ, điều kiện hoàn cảnh của cán bộ và không làm xáo trộn việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3.2.1.4. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật Ngành và pháp luật Nhà nước của công chức kiểm tra thuế

Đặc điểm của công tác kiểm tra thuế là thường xuyên tiếp xúc với người nộp thuế, dễ bị cám dỗ và sa ngã. Nếu tính liêm chính không được đảm bảo và có sự thông đồng giữa công chức kiểm tra thuế với người nộp thuế thì sẽ giảm đáng kể hiệu lực và hiệu quả của công tác kiểm tra thuế nói riêng quản lý thuế nói chung. Để đảm bảo kỷ cương, kỷ luật của ngành Thuế, đảm bảo tính liêm chính của công chức thuế, bên cạnh các giải pháp khác như giáo dục, đổi mới chế độ tiền lương và thu nhập..., cần quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế. Muốn làm tốt công tác kiểm tra nội bộ và đảm bảo kỷ cương, kỷ luật của ngành Thuế, cần nghiên cứu thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

- Lựa chọn, bố trí những người thích hợp, đủ tiêu chuẩn vào bộ phận kiểm tra nội bộ.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Quy định rõ trách nhiệm liên đới của công chức bộ phận kiểm tra nội bộ khi có sai phạm xảy ra của các bộ phận khác trong cơ quan thuế thuộc phạm vi và nội dung mà bộ phận kiểm tra nội bộ đã thực hiện kiểm tra.

- Xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm kỷ luật Ngành của công chức thuế nói chung và công chức kiểm tra thuế nói riêng. Đối với những công chức có dấu hiệu vi phạm cần yêu cầu giải trình cụ thể, nếu cần thiết thì thực hiện điều chuyển vị trí công tác của những cán bộ này.

- Tổ chức luân phiên công việc, chuyên đổi vị trí công tác một cách thường xuyên, khoa học và hợp lý để vừa không làm xáo trộn tổ chức nhưng vẫn đảm bảo ngăn ngừa sự thông đồng của công chức thuế với người nộp thuế (Như đã được phân tích ở giải pháp trên).

3.2.2. Nhóm giải pháp nghiệp vụ

3.2.2.1. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ hiệu quả cho công tác kiểm tra

Hiệu quả công tác kiểm tra thuế phụ thuộc rất lớn vào việc khai thác và phân tích thông tin người nộp thuế trên các ứng dụng quản lý thuế mà ngành Thuế xây dựng và thu thập được. Xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về người nộp thuế được cập nhật một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ với sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin hiện đại giúp ngành Thuế có đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế, trong đó có công tác kiểm tra thuế. Đối với công tác kiểm tra, cơ sở dữ liệu thông tin còn là điều kiện cần thiết tối thiểu để vận hành các phần mềm phân tích rủi ro phục vụ lập kế hoạch kiểm tra thuế và phân tích rủi ro tại cơ quan thuế trước khi tiến hành kiểm tra thuế tại doanh nghiệp.

Hệ thống cơ sở dữ liệu người nộp thuế cần đảm bảo cung cấp các nội dung liên quan đến người nộp thuế như sau:

- Thông tin chung về người nộp thuế: loại hình kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính, cơ cấu tổ chức, hình thức hạch toán kế toán, hình thức sở hữu vốn, số lao động...;

- Thông tin tình hình sản xuất kinh doanh và kê khai nộp thuế: thông tin trong tờ khai các loại thuế, phí, lệ phí (tờ khai, bảng kê...); thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế (Báo cáo tài chính; quyết định miễn, giảm thuế...);

- Thông tin về tính tuân thủ kê khai và nộp thuế: tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách của người nộp thuế (số lần nộp chậm, không nộp tờ khai...);

- Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, kiểm tra qua các năm;

- Thông tin từ về các giao dịch kinh tế và các giao dịch với các cơ quan nhà nước của người nộp thuế.

Để có được các thông tin trên phục vụ cho công tác kiểm tra thuế, cần tổ chức thu thập và xử lý thông tin một cách khoa học nhất, đảm bảo chất lượng thông tin tốt nhất, đầy đủ nhất, kịp thời nhất. Để đạt được yêu cầu này, *hoạt động thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế cần chú trọng các biện pháp chủ yếu sau:*

- *Hoàn thiện các kênh thu thập và cung cấp thông tin, đảm bảo sự đa dạng của nguồn cung cấp thông tin.* Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong cung cấp và sử dụng thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước khác như: Tài chính, Kho bạc, Hải quan, Công an, Quản lý thị trường, Địa chính, Viện Kiểm sát, Tòa án... mục tiêu quan trọng là phải hướng tới một cơ sở dữ liệu thông tin chung về doanh nghiệp và về dân cư theo hướng cơ sở dữ liệu thông tin của một chính phủ điện tử. Ngoài ra, cơ quan thuế Ninh Bình cần chú trọng xây dựng các kênh thông tin khác như: Tổ chức lực lượng cộng tác viên; tổ chức tiếp nhận thông tin từ quần chúng nhân dân...

- *Nâng cấp và hoàn thiện phần mềm thu nhận và xử lý thông tin về người nộp thuế.* Mở rộng các chức năng cung cấp thông tin phù hợp cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau trong cơ quan thuế.

- *Cục thuế tỉnh Ninh Bình chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để thiết lập cơ chế phối hợp cung cấp và sử dụng thông tin lẫn*

nhau. Đặc biệt, chú trọng hướng tới sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin chung của các cơ quan nhà nước.

3.2.2.2. Hoàn thiện các kỹ năng kiểm tra thuế

Việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế đã giúp toàn ngành Thuế lựa chọn đối tượng kiểm tra tương đối phù hợp, tỷ lệ số doanh nghiệp có xử lý truy thu qua kiểm tra so với số doanh nghiệp được kiểm tra đạt khá cao, giảm bớt tình trạng kiểm tra tràn lan, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Những kết quả đạt được trong công tác kiểm tra đạt được trong thời gian qua đã khẳng định việc áp dụng phương pháp kiểm tra theo rủi ro là đúng đắn cần tiếp tục thực hiện. Để tiếp tục hoàn thiện, phát triển và mở rộng các kỹ năng kiểm tra, trong thời gian tới, Cục thuế tỉnh Ninh Bình cần chú trọng vào các vấn đề sau:

- *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các tiêu thức đánh giá rủi ro về thuế*, tạo điều kiện cho việc đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với từng người nộp thuế và việc lập kế hoạch kiểm tra được chính xác hơn. Trong quá trình áp dụng các tiêu thức này, cán bộ kiểm tra cần đánh giá mức độ hiệu quả, chính xác của từng tiêu thức từ đó đề xuất với Tổng cục Thuế để sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Các tiêu thức cần được hoàn chỉnh theo hướng đơn giản, dễ làm, dễ đánh giá và có mối quan hệ với nhau, tránh tình trạng các sử dụng các tiêu thức đánh giá cùng một đối tượng lại cho các kết quả rủi ro thuế khác nhau. Ví dụ như tiêu thức đánh giá các loại thuế trực thu cần tập trung vào thu nhập chịu thuế, ngành nghề kinh doanh; tiêu thức đánh giá các loại thuế gián thu cần tập trung vào doanh thu, quy mô doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, từ đó giúp cho việc đánh giá rủi ro, lựa chọn đúng đối tượng để thực hiện kiểm tra thuế.

Phải có sự phân chia các tiêu thức đánh giá rủi ro thành các tiêu thức động và tiêu thức tĩnh rõ ràng, trên cơ sở đó, áp dụng trọng số đối với từng nhóm tiêu thức cụ thể để đảm bảo sự công bằng đối với từng lĩnh vực, từng khu vực sản xuất kinh doanh khác nhau.

Các tiêu thức cần được xây dựng và hoàn thiện theo hướng đơn giản, dễ đánh giá và có mối quan hệ với nhau. Nếu các tiêu thức đánh giá trên chỉ được xem xét đơn lẻ thì khó có thể đưa ra nhận định đúng đắn, vì vậy, cán bộ kiểm tra cần sử dụng kết hợp các tiêu thức với nhau, qua đó nhận định rủi ro thuế được chính xác hơn.

- Hoàn thiện các phần mềm ứng dụng hỗ trợ kỹ thuật quản lý rủi ro.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện phần mềm ứng hỗ trợ công tác kiểm tra từ khâu thu thập cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, chuyển đổi dữ liệu để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro phục vụ việc lựa chọn phục vụ việc lựa chọn đối tượng và lập kế hoạch kiểm tra. Cụ thể:

- + Phần mềm hỗ trợ phân tích, nhận dạng rủi ro (phân tích ngang, dọc, tỷ suất...);
- + Phần mềm hỗ trợ chuyển đổi, xử lý dữ liệu đầu vào;
- + Phần mềm hỗ trợ kiểm tra rủi ro phát hiện tại cơ quan thuế;
- + Phần mềm hỗ trợ đánh giá rủi ro kiểm tra thuế thu nhập cá nhân;
- + Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ thanh tra, kiểm tra.

Trên cơ sở phần mềm được xây dựng, từ các dữ liệu thông tin người nộp thuế, phần mềm sẽ tự tính toán ra được các chỉ tiêu đánh giá rủi ro thuế đối với từng người nộp thuế, điều đó giúp cán bộ kiểm tra tiết kiệm được thời gian, công sức và lựa chọn đúng đối tượng kiểm tra. Mặt khác, nhờ có phần mềm, công việc kiểm tra sẽ có trọng tâm hơn, tập trung hơn vào những vấn đề rủi ro, trọng yếu.

- Xây dựng các mô hình phân tích theo ngành và theo sắc thuế.

Trên cơ sở áp dụng các tiêu thức đánh giá rủi ro về thuế do Tổng cục Thuế hướng dẫn, Cục thuế cần xây dựng các tiêu thức đánh giá rủi ro phù hợp với tình hình quản lý thuế trên địa bàn mình. Tùy theo các hình thức gian lận thuế của từng ngành nghề ở từng sắc thuế cụ thể mà qua đó xây dựng tiêu thức đánh giá rủi ro cho phù hợp và sát với thực tế của người nộp thuế.

- Hoàn thiện, nâng cao phương pháp phân tích rủi ro.

Để xác định rủi ro thuế của doanh nghiệp, tất yếu phải phân tích doanh nghiệp đó. Việc phân tích cần được thực hiện riêng cho từng nội dung cần làm rõ khi kiểm tra tại doanh nghiệp. Chẳng hạn, khi phân tích doanh thu cần tập trung so sánh doanh thu qua các tháng liền kề hoặc các tháng cùng kỳ năm trước, rà soát các khoản thu tiền trong kỳ, phân tích nợ phải thu, ước tính doanh thu từ sản lượng và giá bán, ước tính doanh thu từ sản lượng sản xuất và hàng tồn kho, ước tính doanh thu từ các chi phí sản xuất và tiêu thụ liên quan.

Có thể thấy, để phân tích về một người nộp thuế, việc so sánh, đối chiếu chéo tài liệu là rất cần thiết. Qua phân tích, cán bộ kiểm tra có thể phát hiện các sai lệch, mâu thuẫn của doanh nghiệp trong việc kê khai, tính và nộp thuế. Việc so sánh, đối chiếu cần được thực hiện cụ thể với từng sắc thuế, ví dụ, khi kiểm tra hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, cán bộ kiểm tra cần so sánh đối chiếu số liệu trên tờ khai thuế với số liệu trên bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra; Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào và các bảng kê khác để phát hiện sự mâu thuẫn giữa các số liệu...

3.2.2.3. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa bộ phận kiểm tra thuế với các bộ phận khác trong cơ quan thuế

Hoạt động kiểm tra hồ sơ khai thuế của bộ phận kiểm tra cần sự phối hợp của nhiều bộ phận có liên quan nhằm xác định tính chính xác của số liệu lưu trữ và thông tin về người nộp thuế, đó là các bộ phận quản lý kê khai thuế, bộ phận kế toán thuế, bộ phận tổng hợp và xử lý dữ liệu, bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Thiếu sự phối hợp tốt của các bộ phận này, hoạt động kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế sẽ kém hiệu quả. Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế cũng đòi hỏi sự phối hợp của các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế như: Bộ phận hành chính, bộ phận kê khai và kế toán thuế...

Trong khi đó, như đã phân tích ở Chương 2 của luận văn, một trong những nguyên nhân làm giảm chất lượng của công tác kiểm tra thuế ở Cục thuế tỉnh Ninh Bình là sự phối hợp chưa tốt giữa bộ phận kiểm tra với các bộ phận

chức năng khác của Cục thuế. Để khắc phục tình trạng này, Cục thuế tỉnh Ninh Bình thực hiện các biện pháp chủ yếu sau:

- Lãnh đạo Cục cần yêu cầu các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế tuân thủ các quy trình quản lý thuế do Tổng cục Thuế ban hành.

- Cục cần nghiên cứu cụ thể hóa các nội dung đã quy định trong các quy trình quản lý thuế, quy trình kiểm tra thuế sao cho phù hợp. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến các đơn vị chức năng trong Cục thuế để trao đổi, thống nhất các nội dung phối hợp giữa các phòng của Văn phòng Cục trong tổ chức thực hiện quy trình kiểm tra thuế.

- Kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế. Dành thời lượng thích đáng trong các cuộc họp giao ban để trao đổi, tìm giải pháp giải quyết những vướng mắc trong hoạt động phối hợp giữa bộ phận chức năng của Cục thuế.

3.2.2.4. Hoàn thiện cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác kiểm tra thuế

Hiện tại, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra nói riêng tuy đã được ngành Thuế quan tâm đầu tư hơn trước nhưng vẫn còn nghèo nàn. Vì vậy, để phục vụ cho công tác quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra thuế nói riêng cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác cần được tiếp tục đầu tư hoàn thiện theo các hướng:

- Số lượng văn phòng làm việc phù hợp với số lượng cán bộ kiểm tra trong thời gian tới, bao gồm cả nơi làm việc và nơi lưu giữ các hồ sơ kiểm tra; nơi người nộp thuế....

- Đầu tư thiết bị tin học cho cán bộ, cung cấp máy tính xách tay... cho cán bộ kiểm tra tạo điều kiện thuận lợi trong việc nhập và phân tích số liệu khi kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

3.2.2.5. Chủ động làm tốt công tác phối hợp các ngành có liên quan trong công tác kiểm tra thuế

Đây là công việc rất quan trọng đối với kiểm tra thuế do đối tượng điều tiết của thuế rất rộng, trên mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Cơ chế phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tốt sẽ trợ giúp rất lớn cho kiểm tra; cụ thể như sau:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tốt công tác đăng ký mã số doanh nghiệp; kịp thời cung cấp mã số cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh của người nộp thuế.

- Phối hợp với cơ quan công an các cấp nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật; đồng thời cung cấp kịp thời, đầy đủ dữ liệu cho cơ quan công an trong công tác điều tra tội phạm kinh tế.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra để phát hiện các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng hợp đồng và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

- Phối hợp với Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng trong công tác hiện đại hóa thu nộp thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước hay phát sinh các vấn đề có liên quan.

3.2.2.6. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm của người nộp thuế

Như đã phân tích trong Chương 2 của luận văn, một trong những hạn chế trong công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình là việc xử lý vi phạm còn nương nhẹ. Việc xử lý vi phạm trong 3 năm qua mới dừng ở mức xử phạt khai thiếu thuế, phạt vi phạm thủ tục và phạt nộp chậm thuế. Chưa xử phạt đối với hành vi trốn thuế, chưa chuyển vụ án trốn thuế nào cho cơ quan công an để điều tra xử lý hình sự. Trong khi đó, thực tế cho thấy, các doanh nghiệp vi phạm khá nhiều, mức độ trốn thuế không nhỏ. Điều này dẫn đến tính răn đe, ngăn ngừa của kiểm tra thuế chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, đối với những trường hợp vi phạm nặng cần kiên quyết xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3.3. Các điều kiện thực hiện giải pháp

3.3.1. Bổ sung thẩm quyền cho cơ quan thuế

Hiện nay, theo quy định của Luật Quản lý thuế, cơ quan Thuế chưa có chức năng điều tra thuế, Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 có định hướng nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ điều tra về thuế cho cơ quan thuế. Để làm được việc này, ngành Thuế cần chuẩn bị đầy đủ cơ sở về lý luận cũng như thực tiễn; làm tốt công tác đề xuất, tham mưu với Bộ Tài chính, Chính phủ đề xuất với Quốc hội sửa đổi Luật Quản lý thuế để giao chức năng điều tra về thuế cho cơ quan thuế, đồng thời có kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ có thể tiếp nhận nhiệm vụ khi được giao chức năng điều tra thuế.

Thêm vào đó, cần hoàn thiện các quy định pháp lý về kiểm soát giao dịch kinh doanh của người nộp thuế: Giao cơ quan thuế quyền kiểm tra đột xuất kho hàng của đối tượng nộp thuế; giao quyền kiểm tra đột xuất sổ sách kế toán trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng; Hoàn thiện quy định chống chuyển giá.

3.3.2. Hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm về thuế

Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế theo hướng cần nâng cao hơn nữa mức xử phạt đối với hành vi khai thiếu thuế (Hiện nay là 10%. Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì đã chia làm 2 trường hợp để xử phạt hành vi khai thiếu thuế ở 2 mức là 20% và 10%). Tuy vậy, ngay cả khi đã sửa đổi như vậy thì mức xử phạt này vẫn thấp chưa có tính răn đe, nâng cao ý thức chấp hành chính sách thuế của người nộp thuế.

Bộ Tài chính cần sớm nghiên cứu đề xuất để Quốc hội sửa đổi các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc cưỡng chế thi hành nếu người nộp thuế dãn dụa, trốn tránh thực hiện, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Theo đó, cần sửa đổi quy trình cứng nhắc về trình tự áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, cho phép

cơ quan thuế được thực hiện những biện pháp phù hợp nhất để cưỡng chế thuế với những điều kiện nhất định.

3.3.3. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động kiểm tra thuế

Hiện nay ngành thuế mới thực hiện triển khai xây dựng 9 chỉ tiêu thành phần nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT của cơ quan thuế trong năm đánh giá như:

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã kiểm tra;
- Tỷ lệ doanh nghiệp kiểm tra phát hiện có sai phạm;
- Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trên số cán bộ của bộ phận thanh tra, kiểm tra;
- Tỷ lệ truy thu sau thanh tra, kiểm tra trên tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý;
- Sự hài lòng của người nộp thuế đối với công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế.

Những chỉ số và tiêu chí trên chưa phản ánh đầy đủ kết quả của hoạt động kiểm tra thuế. Bởi vậy, cần nghiên cứu bổ sung thêm các chỉ tiêu và tiêu chí khác như: Thời gian trung bình thực hiện một cuộc kiểm tra; tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về thời gian kiểm tra; số thuế truy thu bình quân trên một doanh nghiệp qua hoạt động kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế... để đánh giá khả năng hoàn thành công việc của 1 người kiểm tra thuế và mức độ hoàn thành công việc của 1 phòng kiểm tra để từ đó đánh giá được năng lực làm việc của một cán bộ kiểm tra thuế.

3.3.4. Đổi mới căn bản chế độ tiền lương đối với công chức nhà nước

Tiền lương là một trong những tiền đề quyết định chất lượng công việc của mọi lĩnh vực công tác, trong đó có công tác thuế. Chế độ tiền lương đối với công chức nhà nước nói chung và đối với công chức thuế nói riêng còn quá bất hợp lý. Việc giải quyết bài toán tiền lương và thu nhập của công chức thuế cũng

nằm trong bài toán giải quyết tiền lương và thu nhập đối với công chức nhà nước nói chung.

Phương hướng cơ bản của đổi mới chế độ tiền lương và thu nhập là phải tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế tuyển dụng, bố trí cán bộ và phương thức chi trả tiền lương, thu nhập. Tinh giản biên chế là tiền đề quan trọng để tăng thu nhập cho công chức nhà nước. Hiện nay, bộ máy nhà nước quá cồng kềnh, nơi thừa, nơi thiếu; số người đến cơ quan nhà nước nhưng làm việc hời hợt quá nhiều, trong khi đó vẫn có những công chức làm không hết việc. Bởi vậy, bên cạnh việc tinh giản biên chế cần thay đổi cơ chế tuyển dụng theo hướng không tuyển dụng không thời hạn. Tuyển dụng công chức theo dạng hợp đồng. Nếu không thực hiện tốt nhiệm vụ thì chấm dứt hợp đồng. Việc trả lương không căn cứ vào thâm niên công tác mà căn cứ vào đặc điểm, tính chất và khối lượng công việc.

3.3.5. Xây dựng chế độ đãi ngộ đối với công chức làm công tác kiểm tra thuế

Trong thời gian dần dần hoàn thiện chế độ tiền lương và thu nhập đối với công chức nhà nước, cần khẩn trương xây dựng chế độ đãi ngộ thích hợp với công chức làm công tác kiểm tra thuế. Công tác kiểm tra thuế có tính chất rất phức tạp, cán bộ làm công tác kiểm tra thuế phải là những người am hiểu, giỏi về chính sách pháp luật thuế, kế toán.... khi tiến hành nhiệm vụ, va chạm đến quyền lợi của người nộp thuế, nếu không có bản lĩnh vững vàng và thu nhập đảm bảo cuộc sống rất dễ bị sa ngã, mua chuộc làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác kiểm tra của cơ quan thuế.

Hiện nay, chưa có quy định về chế độ đãi ngộ thỏa đáng nên cũng ảnh hưởng ít nhiều đến đời sống của cán bộ làm công tác kiểm tra.

Kết luận chương 3:

Chương 3 trên cơ sở thực hiện những kết quả đạt được và những nguyên nhân được nêu ra ở chương 2, luận văn đã đưa ra các nhóm giải pháp đảm bảo kiểm tra thuế theo cơ chế tự khai tự nộp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình góp phần phát triển kinh tế xã hội bao gồm:

Giải pháp đối với cục thuế tỉnh Ninh Bình : kiện toàn bộ máy tổ chức kiểm tra của cục thuế, nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, đẩy mạnh và đáp ứng việc đưa công nghệ thông tin vào kiểm tra, hoàn thiện cơ sở vật chất và các điều kiện khách quan khác phục vụ cho công tác kiểm tra thuế. Bên cạnh đó luận văn cũng trình bày một số kiến nghị nhằm thực hiện hữu hiệu các giải pháp.

KẾT LUẬN

Công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ở văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình đã dần được hoàn thiện cả chất lượng, đáp ứng theo đúng yêu cầu, mục tiêu của lộ trình cải cách và hiện đại hoá ngành Thuế. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục.

Bằng quá trình nghiên cứu và qua thực tế làm việc tại cơ quan thuế trong thời gian vừa qua, tác giả luận văn “*Hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp tại Văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình*” đã đạt được các kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp như: Khái niệm, đặc điểm và phương pháp kiểm tra thuế; các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm tra thuế; các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm tra thuế; nội dung của kiểm tra thuế...

Thứ hai, Luận văn đã đánh giá thực trạng công tác kiểm tra thuế tại văn phòng Cục thuế tỉnh Ninh Bình, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong hoạt động kiểm tra thuế của Cục thuế Ninh Bình cả ở hoạt động kiểm tra tại cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

Thứ ba, Luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới. Các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Ninh Bình tập trung khắc phục những hạn chế trong công tác này, trong đó, quan trọng nhất là các giải pháp sau đây: Tăng cường lực lượng cán bộ kiểm tra thuế cả về số lượng và chất lượng tỷ trọng công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế hiện nay so với toàn ngành khoảng 21,2%, trong khi mục tiêu chiến lược đề ra đến năm 2020, tối thiểu 30%; tăng cường ứng dụng phương pháp quản lý rủi ro, trong đó cần chú trọng, tập trung: áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế áp dụng triệt để công tác phân tích rủi ro phục vụ kiểm tra thuế; hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế... Ngoài ra, Luận văn còn đề xuất một số giải pháp điều kiện

nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế như: Giao thêm thẩm quyền cho cơ quan thuế, đổi mới chính sách tiền lương và thu nhập đối với công chức nhà nước, hoàn thiện chế độ đãi ngộ đối với công chức kiểm tra thuế...

Do thời gian nghiên cứu không nhiều và trình độ nghiên cứu còn hạn chế, luận văn không tránh khỏi những sai sót, tác giả luận văn mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, nhà quản lý và độc giả để hoàn thiện luận văn.

Xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thuế tỉnh Ninh Bình, *Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra năm 2015, 2016 và 2017.*
2. Cục thuế tỉnh Ninh Bình, Kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế 2015, 2016, 2017.
3. Cục thuế tỉnh Ninh Bình, Kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế năm 2015, 2016, 2017.
4. Cục thuế tỉnh Ninh Bình, Báo cáo tổng kết công tác thu ngân sách năm 2015, 2016, 2017.
5. *Giáo trình nghiệp vụ thuế* - Học viện Tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
6. *Giáo trình Quản lý thuế* - Học viện Tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
7. Đinh Tiến Hải, Chu Duy(2017), "*Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội*", tapchitaichinh.vn
8. Nguyễn Thị Lộc (2017) "*Hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Đắk Lắk*" *Luận văn thạc sĩ, Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng*
9. Lê Minh Nhật (2013) *Cổng thông tin điện tử Cục Thuế Kon Tum.* "*Những kiến thức, kỹ năng cần thiết của công chức làm công tác kiểm tra thuế*".
10. Lê Thị Thu Trang (2014), "*Hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại cục thuế Hải Dương*" *Luận văn thạc sĩ, Đại học tài chính và quản trị kinh doanh*
11. Nguyễn Diệu thủy (2013) "*Hoàn thiện công tác thanh tra kiểm tra tại cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc*" *Luận văn thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên*

12. Tổng cục thuế, Quyết định 746/QĐ-TCT ngày 20/04/2015 về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế.

13. Trang tin điện tử nội bộ - Tổng cục Thuế.

14. Trang tin điện tử: Các bài viết, thảo luận, nghiên cứu, trao đổi trên Trang điện tử Tổng cục Thuế (www.gdt.gov.vn), Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn), Tạp chí Thuế (tapchithue.com.vn) và các trang điện tử khác.

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH**

**PHỤ LỤC
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 428/QĐ-CT

Ninh Bình, ngày 8 tháng 04 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra thuế tại Công ty TNHH cán thép Tam Điệp

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

- Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;
- Căn cứ quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Cục Thuế;
- Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-CT ngày 28/12/2011 về việc giao kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp năm 2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Ninh Bình;
- Xét đề nghị của Ông trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Kiểm tra thuế tại Công ty TNHH cán thép Tam Điệp; Mã số thuế: 2700268359;

Nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế;

Thời kỳ kiểm tra: Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 và các số liệu liên quan đến trước và sau thời kỳ kiểm tra.

Điều 2: Thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

- Ông: Nguyễn Văn Nghĩa-Chức vụ: P.trưởng phòng KTT số 1-Trưởng đoàn;

- Bà: Lã Thu Thủy - Chức vụ: CV phòng KTT số 1 - Thành viên;

- Bà: Đỗ Nguyệt Minh - Chức vụ: CV phòng KTT số 1 - Thành viên;

Thời hạn Kiểm tra là 05ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 80 của Luật Quản lý thuế.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đơn vị được kiểm tra có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT; Phòng KTT số 1.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phương

**Bảng 2.3: Kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2017 của Cục Thuế tỉnh
Ninh Bình**

TT	Đơn vị	Mã số thuế	Thời kỳ kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Lý do
01	Công ty TNHH Hải Hà	2700117977	2017	GTGT,TNDN	Chưa kiểm tra
02	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vĩnh Phát	2700282755	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra
03	Công Ty cổ phần Bê Tông Thương Phẩm xuất khẩu Việt - Mỹ	2700714885	2017	GTGT,TNCN	GTGT âm liên tục, TNCN
04	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Xuân Thành	2700277508	2017	GTGT,TNDN	Chưa kiểm tra lần nào
05	Công Ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	2700525888	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng kéo dài
06	Công Ty cổ phần Phúc Lộc	2700277473	2017	GTGT, TNDN	Chưa kiểm tra
07	Tổng Công Ty cổ phần tập đoàn kinh tế Xuân Thành	2700523305	2017	GTGT,TNDN,TNCN	GTGT âm liên tục
08	Công Ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Giao Thông	2700561558	2017	GTGT,TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra
09	Công Ty TNHH Mỹ	2700277177	2017	GTGT,TNDN,T	Nợ thuế kéo

	Hạng			NCN	dài
10	Công Ty TNHH Xây Dựng Việt Thành	2700282579	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
11	Công ty TNHH một thành viên MASTER VINA	2700661947	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Chưa kiểm tra
12	Công Ty TNHH Xây Dựng Nam Ninh	2700271672	2017	GTGTTNDN, TNCN	Thường xuyên nộp chậm hồ sơ
13	Công Ty cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Xuân Thủy	2700521989	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
14	Công Ty TNHH Hòa Bình	2700283928	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng thường xuyên
15	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Xuân Lộc	2700344786	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
16	Công Ty cổ phần Xuân Thuyết	2700621616	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng thường xuyên
17	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Nguyên	2700343415	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
18	Công Ty cổ phần Đầu tư Xây lắp Hòa Bình	2700605212	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng thường xuyên

19	Công Ty TNHH Cường Thịnh Thi 189	2700662186	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Âm liên tục
20	Công Ty cổ phần tập đoàn Đức Thịnh	2700597674	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra lần nào
21	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Xuân Trường	2700113605	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
22	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàng Ngân	2700271351	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Âm liên tục
23	Công Ty TNHH Thương Mại Và Công Nghiệp Tàu Thủy Hải Long	2700272210	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
24	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Thành Đô	2700660485	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
25	Công Ty cổ phần Đá Gia Thanh	2700277635	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
26	Công Ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Đông Đô	2700631332	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
27	Công Ty cổ phần Tập đoàn công nghiệp Quang Trung	2700118201	2017	GTGT, TNDN	Chưa kiểm tra lần nào
28	Công Ty cổ phần ô Tô Thành Công Ninh Bình	2700612298	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
29	Chi Nhánh Công Ty cổ	0100831174-	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục

	phần Tập Đoàn Thành Công	001			
30	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xuân Thành	2700509999	2017	GTGT, TNDN	Doanh nghiệp bất thường
31	Công Ty TNHH Tư Vấn Công Nghiệp Phương Nam	2700508642	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Âm liên tục
32	Công Ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	2700283389	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
33	Công Ty cổ phần Sản Xuất Bê Tông Việt Nhật	2700670490	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
34	Công Ty cổ phần Kỹ Thuật Dịch Vụ Thành Công	2700638514	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Âm liên tục
35	Công Ty TNHH Vũ Đình Ninh Bình	2700611569	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng thường xuyên
36	Công Ty TNHH Một Thành Viên Điện Lực Ninh Bình	2700277392	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng thường xuyên
37	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Phước Thịnh	2700705489	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
38	Doanh Nghiệp Tư Nhân Kinh Doanh Than Mỏ Việt Dũng	2700113027	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục

39	CN Xăng Dầu Ninh Bình - Công Ty Xăng Dầu Hà Nam Ninh	0600018898-016	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Âm liên tục
40	Công ty cổ phần gạch ngói Gia Thanh	2700343535	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Nợ đọng thường xuyên
41	Công ty CP Môi Trường & Dịch Vụ Đô Thị Thành Phố Ninh Bình	2700135990	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
42	Công Ty cổ phần May Vạn Xuân	2700351945	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Âm liên tục
43	Công Ty cổ phần Du Lịch Tân Phú	0102792890	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra
44	Công Ty cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư Xây Dựng Cường Thịnh Thi	2700281889	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
45	Công Ty cổ phần Vận Tải Biển Phương Bắc	2700346381	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
46	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại, dịch vụ Long Thúy Đăng	2700275035	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Thường xuyên nộp chậm hồ sơ
47	Công Ty TNHH Xuất Khẩu Nam Phương	2700669128	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra lần nào
48	Công Ty TNHH Long Sơn	2700271520	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra lần nào

49	Công Ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	2700349706	2017	GTGT, TNDN	GTGT âm liên tục
50	Công Ty TNHH Ninh Bình - Enter.B	2700676799	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra lần nào
51	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Phục Hồng	2700595483	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Âm liên tục
52	Công Ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng giao	2700224457	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
53	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thảo Văn	2700338888	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
54	Công ty TNHH công nghiệp Chia Chen	2700550468	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Chưa kiểm tra lần nào
55	Công ty TNHH MTV CN Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ Micco	2700669262	2017	GTGT,TNDN,T NCN	Âm liên tục
56	Công Ty cổ phần May Xuất Khẩu Ninh Bình	2700224400	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Âm liên tục
57	Công ty TNHH SIL Rang EElectronics	2700714003	2017	GTGT, TNDN	Chưa kiểm tra lần nào
58	Công ty TNHH XNK đầu tư xây dựng Xuân Nhật Anh	2700788527	2017	GTGT, TNDN	Doanh nghiệp bất thường
59	Công Ty Cổ Phần Bình Điền - Ninh Bình	2700664419	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục

60	Công ty TNHH công nghiệp giấy Aurora Việt Nam	2700488668	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
61	Công Ty TNHH Link Group	2700791939	2017	GTGT,TNDN,TNCN	Nợ đọng thường xuyên
62	Công Ty cổ phần Đầu Tư Thành Thắng Group	2700269063	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Nợ đọng thường xuyên
63	Công Ty TNHH Phúc Lộc	2700284791	2017	GTGT, TNDN,TNCN	Âm liên tục
64	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Thành	2700266055	2017	GTGT,TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
65	Công Ty TNHH Tập Đoàn Hoàng Phát Vissai	2700280638	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
66	Công Ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	2700260173	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
67	CN Công Ty TNHH Duyên Hà - Nhà Máy Xi Măng Duyên Hà	0100520789-002	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng thường xuyên
68	Công Ty cổ phần Xi Măng Hướng Dương	2700284216	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
69	Cty TNHH sản xuất VLXD Đại Hiệp	2700356809	2017	GTGT,TNDN,TNCN	Chưa kiểm tra lần nào
70	Công ty TNHH	2700349110	2017	GTGT,TNDN,T	Chưa kiểm

	ADM21 Việt Nam			NCN	tra lần nào
71	Công ty TNHH giấy Adora Việt Nam	2700557199	2017	GTGT, TNDN	Thường xuyên nộp chậm hồ sơ
72	Công ty TNHH may Nien HSING Ninh Bình	2700347963	2017	GTGT, TNDN, T NCN	Nợ đọng kéo dài
73	Công ty TNHH GREAT GLOBAL INTERNATIONAL	2700339641	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Âm liên tục
74	Công ty TNHH may Phoenix	2700352755	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
75	Công ty TNHH Sanico Việt Nam	2700714010	2017	GTGT, TNDN	Chưa kiểm tra lần nào
76	Công Ty cổ phần xi măng Hệ Dưỡng	2700134965	2017	GTGT, TNDN	Nợ đọng kéo dài
77	Công ty TNHH PANLOF VINA	2700353861	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục
78	Công ty cổ phần cấp thoát nước Ninh Bình	2700135623	2017	GTGT, TNDN, TNCN	Nợ đọng kéo dài
79	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi Nhánh Ninh Bình	0100283873- 041	2017	GTGT, TNDN	Chưa kiểm tra lần nào
80	Công ty CP Hyundai Thành Công VN	2700668614	2017	GTGT, TNDN	Âm liên tục

Ví dụ 2.3: Kiểm tra tại Công ty TNHH cán thép Tam Điệp (Kiểm tra quyết toán thuế theo kế hoạch)

Để thực hiện có hiệu quả cuộc kiểm tra, cán bộ thuế cần thu thập thông tin, phân tích báo cáo tài chính, đánh giá tiêu chí rủi ro... Đồng thời, nhận xét tại hồ sơ khai thuế tháng, quý, năm theo mẫu số 01/Ktra kèm theo quy trình 528. Khi phát hiện thấy trong hồ sơ khai thuế của DN có nghi vấn, số liệu kê khai chưa chính xác liên quan đến số thuế phải nộp, cán bộ kiểm tra thuế đã báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo bằng văn bản đề nghị NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin tài. Thời hạn NNT phải giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu được ghi trong thông báo không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Thủ trưởng cơ quan Thuế ký thông báo.

* Ngày 12/3/2016, Công ty TNHH cán thép Tam Điệp đã đến trực tiếp tại cơ quan thuế giải trình bổ sung thông tin tài liệu nhưng không chứng minh được số thuế khai là đúng, cán bộ kiểm tra thuế báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo lần 2, yêu cầu NNT tiếp tục giải trình hoặc bổ sung thêm thông tin tài liệu. Thời hạn yêu cầu NNT tiếp tục giải trình hoặc bổ sung thêm thông tin tài liệu được ghi trong thông báo không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày Thủ trưởng cơ quan Thuế ký thông báo. Sau khi hết thời hạn theo thông báo lần 2 của CQT, Công ty TNHH cán thép Tam Điệp đã không tiếp tục giải trình hồ sơ khai thuế năm theo yêu cầu của CQT, cán bộ kiểm tra thuế báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế Quyết định kiểm tra tại trụ sở của NNT đối với Công ty TNHH cán thép Tam Điệp (trường hợp CQT không đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp). *Mẫu quyết định kiểm tra được trình bày ở phần phụ lục.*

Quyết định kiểm tra thuế phải được gửi cho NNT chậm nhất là 3 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định kiểm tra được Thủ trưởng cơ quan Thuế ký. Việc kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được tiến hành chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra thuế.

* Ngày 07/5/2016, Trưởng đoàn kiểm tra thuế công bố toàn văn quyết định kiểm tra thuế và giải thích nội dung kiểm tra theo quyết định. Khi kết thúc công bố quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra nêu nội dung Quyết định kiểm tra giải thích mục đích và yêu cầu của cuộc kiểm tra. Đoàn kiểm tra thuế và NNT đã có biên bản xác định thời gian và nội dung công bố quyết định kiểm tra theo mẫu số 05/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số 28/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính. (*Mẫu Biên bản công bố Quyết định kiểm tra được trình bày ở phần phụ lục*).

Sau 01 ngày công bố quyết định kiểm tra, ngày 08/5/2016, Trưởng đoàn kiểm tra phân công các thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra từng phần việc theo nội dung ghi trong quyết định kiểm tra. Trên cơ sở công việc mà Trưởng đoàn kiểm tra đã phân công, các thành viên đoàn kiểm tra phải thực hiện công việc được giao trong thời hạn 05 ngày.

Nội dung kiểm tra tại Công ty TNHH can thép Tam Điệp

Bảng : Kiểm tra Thuế GTGT

Đơn vị tính: đồng

STT	THUẾ GTGT năm 2015	Số báo cáo của CSKD	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	262.225.754	262.225.754	
2	Thuế GTGT của HHDV mua vào phát sinh trong kỳ	14.065.616.310	14.052.552.970	-13.063.340
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV được khấu trừ kỳ này	14.327.842.064	14.314.778.724	-13.063.340
4	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT		0	
5	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%		0	
6	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	127.919.877.693	127.987.074.334	67.196.641
7	Tổng doanh thu của HHDV bán ra	127.919.877.693	127.987.074.334	67.196.641
8	Thuế GTGT của HH, dịch vụ bán ra	12.791.743.183	12.798.462.857	6.719.664
9	<i>Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%</i>			
10	<i>Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%</i>	12.791.743.183	12.798.462.857	6.719.664

11	Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra	12.791.743.183	12.798.462.857	6.719.664
12	Thuế GTGT phải nộp	20.305.957	20.305.957	
13	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết	1.556.404.838	1.536.621.834	-19.783.004
14	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này		0	
15	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	1.556.404.838	1.536.621.834	-19.783.004

Bảng : Kiểm tra Thuế TNDN

Đơn vị tính: đồng

STT	THUẾ TNDN năm 2015	Số báo cáo của CSKD	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ	127.428.648.502	127.428.648.502	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	581.247	581.247	
3	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (4=a+b+c)	127.831.027.939	126.654.767.261	1.176.260.678
a	Giá vốn hàng bán:	123.119.727.821	123.119.727.821	-
b	Chi phí quản lý DN	3.542.935.815	2.366.675.137	1.176.260.678
c	Chi phí hoạt động tài chính	1.168.364.303	1.168.364.303	
4	Thu nhập khác	531.972.146	531.972.146	
5	Chi phí khác	14.375.338	14.375.338	
6	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	115.798.618	1.292.059.296	1.176.260.678
7	Lỗ kỳ trước chuyển sang	115.798.618	231.603.153	115.804.535
8	Thu nhập chịu thuế sau khi trừ chuyển lỗ (6-7)	0	1.060.456.143	1.060.456.143
9	Thuế TNDN phải nộp	0	212.091.228	212.091.228

10	Thuế TNDN miễn giảm 30% theo NQ 08/2011/QH 13	0	79.534.211	79.534.211
11	Thuế TNDN còn phải nộp	0	132.557.017	132.557.017

* Kết thúc phần việc được giao, ngày 14/5/2016 các thành viên đoàn kiểm tra đã lập biên bản xác định số liệu kiểm tra với người được uỷ quyền của NNT làm việc trực tiếp với đoàn kiểm tra.

* Ngày 15/5/2016, Trưởng đoàn kiểm tra căn cứ vào kết quả xác nhận số liệu kiểm tra của từng thành viên trong đoàn, lập biên bản kiểm tra theo mẫu số 04/KTT ban hành kèm theo Thông tư số 28/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Sau đây là nội dung tóm tắt các kết luận những vi phạm của công ty TNHH Cán thép Tam Điệp trong Biên bản kiểm tra thuế:

- Vi phạm về thuế GTGT:

+ Thứ nhất, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giảm 13.063.340 đ, do kiểm tra thực tế trên hóa đơn mua vào đơn vị kê khai sai sót, nhầm lẫn gồm 13 số hóa đơn đã chi tiết trong bản xác nhận của cán bộ được phân công kiểm tra thuế đầu vào được khấu trừ.

+ Thứ hai, doanh thu chịu thuế 10% tăng 67.196.641đ, gồm: tăng doanh thu: 48.471.641 đ, do kiểm tra đối chiếu giữa hóa đơn thực tế với kê khai có sai lệch nhầm lẫn, hóa đơn hủy bỏ nhưng vẫn kê khai doanh thu, kê khai sai doanh thu, (có bảng kê chi tiết từng số hóa đơn đính kèm); tăng doanh thu 18.725.000 đ, do: bán xăng dầu đơn vị hạch toán vào thu nhập nhưng chưa kê khai tính thuế đầu ra.

Vì vậy, thuế GTGT đầu ra tăng 6.719.664 đ; thuế GTGT chưa khấu trừ hết chuyển sang kỳ sau giảm 19.783.004đ, do giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và tăng thuế đầu ra đã nêu trên.

- Vi phạm về thuế TNDN:

- + Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 1.176.260.678 đ,
- + Số lỗ kỳ trước chuyển sang tăng 115.804.535 đ, do đoàn kiểm tra xác định lại số lỗ qua các năm.
- + Thuế TNDN tăng 132.557.017 đ, do thu nhập chịu thuế tăng đã nêu ở trên.

.